

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Trịnh Thị Trang

Giảng viên hướng dẫn: Ts. Nguyễn Thành Tô

**HẢI PHÒNG - 2011**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT  
LIỆU TẠI XÍ NGHIỆP ĐỊA CHẤT ĐÔNG TRIỀU**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trịnh Thị Trang**

**Giảng viên hướng dẫn: Ts. Nguyễn Thành Tô**

**HẢI PHÒNG - 2011**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Trịnh Thị Trang      Mã SV:110124

Lớp: QT1104K      Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại

Xí nghiệp địa chất Đông Triều

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về nguyên vật liệu và tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh
  - Phản ánh thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Xí nghiệp địa chất Đông Triều
  - Đánh giá ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu của Xí nghiệp địa chất Đông Triều từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện .

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu năm 2010 của Xí nghiệp địa chất Đông Triều

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Xí nghiệp địa chất Đông Triều

## **LỜI MỞ ĐẦU**

### **1.Sự cần thiết của đề tài**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt khiến các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì phải có những chiến lược kinh doanh hợp lý, cần sử dụng đồng bộ các công cụ kinh tế. Trong sản xuất hàng hóa, nguyên vật liệu thường chiếm một tỉ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất nên nó ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm, đến lợi nhuận. Do đó phần đầu giảm chi phí nguyên vật liệu là việc làm của người sản xuất, người quản lý sản xuất song kế toán có một vai trò quan trọng đáng kể trong việc hạch toán kế toán chi phí này.

Nhận thức được điều đó, lại được thực tập tại Xí nghiệp địa chất Đông Triều nên em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu về nguyên vật liệu, kế toán nguyên vật liệu và đã chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp là: “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Xí nghiệp địa chất Đông Triều.”

### **2. Mục đích nghiên cứu**

Đề tài được thực hiện nhằm các mục đích sau:

- Tổng hợp, hệ thống hoá những vấn đề lý luận và hạch toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất.
- Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Xí nghiệp địa chất Đông Triều
- Từ những kiến thức đã học cùng với việc tìm hiểu thực tế đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện nội dung và phương pháp hạch toán nguyên vật liệu tại Xí nghiệp.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu đề tài: nguyên vật liệu tại Xí nghiệp

Phạm vi nghiên cứu : Xí nghiệp địa chất Đông triều

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp biện chứng, logic, mô hình hóa...
- Tiến hành khảo sát thực tế, tổng hợp các thông tin thu thập được và tiến hành phân tích các thông tin đó
- Phương pháp phân tích kinh doanh như so sánh, qui nạp, suy diễn...



### 5. Nội dung khóa luận

Ngoài mở đầu và kết luận thì khóa luận được chia thành 3 chương chính:

*Chương 1: Lý luận cơ bản về nguyên vật liệu và tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại các Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh*

*Chương 2: Công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Xí nghiệp Địa chất Đông Triều*

*Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Xí nghiệp Địa chất Đông Triều.*

Mặc dù đã rất cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu để hoàn thiện bài viết nhưng do trình độ lý luận, nắm bắt thực tế còn hạn chế nên bài viết không tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm. Vì vậy em mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ, đóng góp ý kiến của ban lãnh đạo, phòng kế toán và các phòng ban có liên quan... của Xí nghiệp địa chất Đông Triều; các thầy cô giáo của khoa, của trường để em có thể hoàn thiện bài viết được tốt hơn.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

**CHƯƠNG 1**

**LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ TỔ CHỨC  
KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI DOANH NGHIỆP SẢN  
XUẤT KINH DOANH**

**1.1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG  
DOANH NGHIỆP**

*1.1.1 Khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò, tầm quan trọng của nguyên vật liệu và yêu cầu quản lý nguyên vật liệu*

*1.1.1.1 Nguyên vật liệu và đặc điểm của nguyên vật liệu*

Nguyên vật liệu là một trong các yếu tố cơ bản trong quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm.

Về mặt hiện vật: nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh, không giữ nguyên được hình thái ban đầu mà biến đổi cấu thành nên thực thể sản phẩm mới.

Về mặt giá trị : giá trị nguyên vật liệu được chuyển dịch toàn bộ một lần vào giá trị sản phẩm mới tạo ra hoặc chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Vì vậy nguyên vật liệu được xếp vào loại tài sản lưu động của doanh nghiệp.

Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến cần thiết trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp và được thể hiện dưới dạng vật hóa như: quặng trong doanh nghiệp luyện kim, vải trong doanh nghiệp may mặc... Bất kỳ nguyên vật liệu nào cũng là đối tượng lao động nhưng không phải bất kỳ đối tượng nào cũng là nguyên vật liệu mà chỉ trong những điều kiện nhất định, khi lao động của con người có thể tác động vào, biến đổi chúng để phục vụ cho sản xuất hay tái sản xuất sản phẩm mới thì được gọi là nguyên vật liệu.

Trong quá trình tham gia vào sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu tham gia ngay từ giai đoạn đầu của quá trình sản xuất, nguyên vật liệu được dùng toàn bộ và thường phân bổ một lần vào giá trị sản phẩm mới. Nguyên vật liệu khi

được sử dụng sẽ không giữ nguyên hình thái ban đầu mà sẽ bị biến đổi hoàn toàn để cấu tạo nên hình thái vật chất mới của sản phẩm làm ra.

Như vậy, nguyên vật liệu tạo nên giá trị và giá trị sử dụng của sản phẩm mới. Nó là yếu tố quan trọng của quá trình sản xuất.

### *1.1.1.2 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu*

#### 1.1.1.2.1 Sự cần thiết của quản lý nguyên vật liệu

Để hoạt động sản xuất kinh doanh có thể diễn ra thì phải có nguyên vật liệu, vậy nên quản lý nguyên vật liệu là nhân tố quan trọng của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, ở mỗi doanh nghiệp khác nhau thì lại có phạm vi, mức độ, phương pháp quản lý khác nhau. Khi kinh tế ngày càng phát triển thì các phương pháp quản lý cũng trở lên hoàn thiện hơn vì vậy các doanh nghiệp phải áp dụng phương pháp quản lý phù hợp với công tác sản xuất của mình nhằm đạt được hiệu quả tối ưu nhất.

#### 1.1.1.2.2 Mục tiêu của việc quản lý nguyên vật liệu

Chi phí về các loại nguyên vật liệu thường chiếm một tỉ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất. Mà mục đích cuối cùng của các doanh nghiệp là lợi nhuận vì vậy giảm chi phí là cách tốt nhất để các doanh nghiệp đạt được mục đích của mình. Việc sử dụng nguyên vật liệu một cách tiết kiệm, hợp lý chính là biện pháp tốt để giảm chi phí mà vẫn nâng cao được chất lượng sản phẩm. Như vậy thực hiện tốt việc quản lý nguyên vật liệu ở tất cả các khâu sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn trong sản xuất kinh doanh.

#### 1.1.1.2.3 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu

Việc quản lý nguyên vật liệu cần phải thực hiện tốt và chặt chẽ ở tất cả các khâu:

Khâu thu mua: Trong khâu này đòi hỏi phải tính toán xác định số lượng, chủng loại nguyên vật liệu phù hợp cho quá trình sản xuất để tiến hành thu mua đáp ứng kịp cho quá trình sản xuất. Việc thu mua phải đúng yêu cầu sử dụng, chi phí thu mua hợp lý nhằm hạ giá thành sản phẩm.

Khâu bảo quản dự trữ: Việc tổ chức kho tàng, bến bãi phải trang bị đầy đủ thiết bị, cách thức bảo quản khoa học hợp lý phù hợp cho từng loại nguyên vật

liệu để tránh thất thoát, đảm bảo an toàn cho vật liệu. Đồng thời cần tổ chức hệ thống kho tàng hợp lý để thuận tiện cho việc theo dõi, kiểm tra. Bên cạnh đó doanh nghiệp phải xác định được mức dự trữ tối đa, tối thiểu để đảm bảo cho việc sản xuất luôn được tiến hành thuận lợi.

**Khâu sử dụng:** Khâu này cần thiết phải tuân thủ việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở định mức tiêu hao, dự toán chi phí nhằm giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm tăng thu nhập cho doanh nghiệp. Do vậy cần phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng trong quá trình sản xuất.

Tóm lại, quản lý nguyên vật liệu là một trong những nội dung hết sức quan trọng của công tác quản lý nói chung và quản lý sản xuất, quản lý giá thành sản phẩm nói riêng mà các nhà lãnh đạo doanh nghiệp luôn phải đặc biệt quan tâm.

### ***1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu***

Kế toán nguyên vật liệu là việc sử dụng các biện pháp công cụ trong kế toán để theo dõi tình hình nguyên vật liệu trong doanh nghiệp. Do đó, kế toán nguyên vật liệu phải thực hiện được các nhiệm vụ sau:

Phản ánh chính xác, kịp thời và kiểm tra chặt chẽ tình hình cung cấp nguyên vật liệu về tất cả các mặt số lượng, giá trị, chủng loại, thời gian cung cấp.

Tính toán và phân bổ chính xác, kịp thời giá trị nguyên vật liệu nhập kho trong các trường hợp khác nhau, xây dựng định mức, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những trường hợp sử dụng nguyên vật liệu lãng phí, sai mục đích.

Áp dụng đúng các phương pháp và kỹ thuật hạch toán hàng tồn kho.

Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện định mức dự trữ nguyên vật liệu, phát hiện kịp thời các vật liệu ứ đọng, kém phẩm chất, chưa dùng và có biện pháp giải phóng để thu hồi vốn nhanh chóng, tránh thiệt hại.

Thực hiện việc kiểm kê nguyên vật liệu theo yêu cầu quản lý, lập các báo cáo nguyên vật liệu ...

### 1.2 KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU

#### 1.2.1 Phân loại nguyên vật liệu

Vật liệu trong các doanh nghiệp bao gồm nhiều thứ, nhiều loại khác nhau, có giá trị, công dụng, nguồn hình thành,... khác nhau. Do vậy cần thiết phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu nhằm tạo điều kiện cho việc hạch toán và quản lý vật liệu.

*Căn cứ vào vai trò và tác dụng của vật liệu trong sản xuất, vật liệu được chia làm các loại như sau:*

- Nguyên vật liệu chính: là những thứ nguyên, vật liệu mà sau quá trình gia công, chế biến sẽ cấu thành nên thực thể vật chất chủ yếu của sản phẩm. (nguyên vật liệu chính bao gồm cả bán thành phẩm mua ngoài với mục đích để tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo ra sản phẩm, hàng hoá).

- Vật liệu phụ: là những vật liệu chỉ có tác dụng phụ trợ trong sản xuất, được sử dụng kết hợp với vật liệu chính để làm thay đổi màu sắc, hình dáng, mùi vị hoặc dùng để bảo quản, phục vụ hoạt động của các tư liệu lao động hay phục vụ cho lao động của công nhân viên chức (dầu nhờn, hồ keo, thuốc nhuộm, xà phòng, giẻ lau...).

- Nhiên liệu: là những thứ vật liệu được dùng để cung cấp nhiệt lượng. Ví dụ: than, củi, xăng dầu, hơi đốt... Nhiên liệu thực chất là một loại vật liệu phụ được tách ra thành một loại riêng vì việc sản xuất và tiêu dùng nhiên liệu chiếm một tỉ trọng lớn và đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân.

- Phụ tùng thay thế: là các chi tiết, phụ tùng dùng để sửa chữa và thay thế cho máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải...

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: bao gồm các vật liệu và thiết bị mà doanh nghiệp mua vào nhằm mục đích đầu tư cho xây dựng cơ bản.

- Phế liệu: là các loại vật liệu thu được trong quá trình sản xuất, hay thanh lý tài sản, có thể sử dụng hay bán ra ngoài.

- Vật liệu khác: bao gồm các loại vật liệu còn lại ngoài các thứ chưa kể trên như bao bì, vật liệu đóng gói, các loại vật tư đặc chủng...

Cách phân loại này là cơ sở để xác định định mức tiêu hao, định mức dự

trữ cho từng loại nguyên vật liệu; là cơ sở tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

*Căn cứ vào nguồn cung cấp nguyên vật liệu được chia thành:*

- Vật liệu mua ngoài.
- Vật liệu tự sản xuất.
- Vật liệu từ các nguồn khác: nhận vốn góp liên doanh, liên kết, biếu tặng...

Phân loại nguyên vật liệu theo nguồn cung cấp là căn cứ cho việc lập kế hoạch thu mua và kế hoạch sản xuất, là cơ sở để xác định giá nguyên vật liệu nhập kho.

*Căn cứ vào mục đích sử dụng nguyên vật liệu được chia thành:*

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh:
  - + Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất chế tạo sản phẩm
  - + Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.
- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác: nhượng bán, đem góp vốn liên doanh...

Cách phân loại này là căn cứ để kế toán tính toán và phân bổ chính xác giá trị nguyên vật liệu xuất dùng cho đối tượng khác nhau.

Tóm lại, căn cứ để phân loại nguyên vật liệu chỉ là tương đối, có trường hợp nguyên vật liệu phụ ở hoạt động này nhưng lại là nguyên vật liệu chính ở hoạt động hay doanh nghiệp khác. Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm sản xuất kinh doanh khác nhau nên sẽ có cách phân loại khác nhau để phù hợp với doanh nghiệp mình nhằm đảm bảo tốt nhất cho việc hạch toán và quản lý nguyên vật liệu.

### ***1.2.2 Đánh giá nguyên vật liệu***

Sử dụng một trong các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc giá gốc:

Theo chuẩn mực số 02 - Hàng tồn kho: nguyên vật liệu phải được đánh giá theo giá gốc. Giá gốc bao gồm: chi phí thu mua, chi phí chế biến, các chi phí

liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được nguyên vật liệu ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Nguyên tắc nhất quán:*

Các phương pháp áp dụng trong đánh giá nguyên vật liệu phải nhất quán, nghĩa là kế toán chọn phương pháp nào thì phải áp dụng phương pháp đó nhất quán trong niên độ kế toán.

Doanh nghiệp có thể thay đổi phương pháp đã chọn nhưng phải đảm bảo phương pháp thay thế cho phép trình bày thông tin kế toán một cách trung thực và hợp lý, và phải giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

- *Nguyên tắc thận trọng:*

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên vật liệu thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng .

Thực hiện nguyên tắc này bằng cách trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### **1.2.3 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu**

#### **1.2.3.1 Kế toán nhập kho nguyên vật liệu**

##### **1.2.3.1.1 Đánh giá nguyên vật liệu**

Đánh giá nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc hạch toán đúng đắn tình hình tài sản cũng như chi phí sản xuất kinh doanh.

Đánh giá vật liệu thực chất là việc xác định giá trị ghi sổ của nguyên vật liệu. Theo quy định vật liệu được tính theo giá thực tế (giá gốc), tức là vật liệu khi nhập kho hay xuất kho đều được phản ánh trên sổ sách theo giá thực tế.

Giá nguyên vật liệu nhập kho được xác định dựa trên nguồn nhập.

❖ **Đối với nguyên vật liệu mua ngoài:** Có thể là mua trong nước hoặc nhập khẩu

*\*Trường hợp mua hàng trong nước:*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực} & & \text{Giá mua ghi} & & \text{Các chi phí} & & \text{Chiết khấu thương mại,} \\ \text{tế nhập} & = & \text{trên hoá đơn} & + & \text{thu mua} & - & \text{giảm giá hàng mua,} \\ \text{kho} & & \text{của người} & & \text{thực tế} & & \text{hàng mua bị trả lại} \\ & & \text{bán} & & & & \end{array}$$

Trong đó:

Giá ghi trên hoá đơn và các loại chi phí được xác định:

+ Đối với các doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua và chi phí khác là giá chưa có thuế GTGT.

+ Đối với các doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc sản xuất các mặt hàng không ở diện chịu thuế GTGT hoặc phục vụ cho hoạt động phúc lợi, sự nghiệp, dự án, thì giá mua và chi phí khác là giá bao gồm cả thuế GTGT.

+ Đối với nguyên vật liệu mua vào sử dụng đồng thời cho cả hai hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì phải hạch toán riêng và chỉ được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với phần nguyên vật liệu chịu thuế GTGT đầu ra

Chi phí thu mua thực tế bao gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí bao bì, chi phí của bộ phận thu mua độc lập, chi phí thuê kho, thuê bãi, tiền phạt lưu kho, lưu bãi....

*\*Trường hợp nhập khẩu:*

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá mua} & & \text{Thuế} & & \text{Thuế} & & \text{Các chi phí} \\ \text{nhập kho} & = & \text{ghi trên} & + & \text{nhập} & + & \text{TTDB} & + & \text{thu mua} \\ & & \text{hoá đơn} & & \text{khẩu} & & \text{(nếu có)} & & \text{thực tế} \end{array}$$

Trong đó:

Giá mua hàng nhập khẩu bằng ngoại tệ thì phải được quy ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ để ghi tăng giá trị nguyên vật liệu nhập kho.

Các chi phí khác bao gồm: lệ phí hải quan, lệ phí bến bãi, phụ thu của Nhà nước (nếu có).



### ❖ Đối với vật liệu doanh nghiệp tự sản xuất, chế tạo

Giá thực tế của nguyên vật liệu là giá của vật liệu xuất sản xuất, chế tạo cộng với các chi phí sản xuất, chế tạo.

Chi phí sản xuất, chế tạo gồm: Chi phí nhân công, chi phí máy móc, chi phí khác...

### ❖ Đối với vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến

$$\begin{array}{rcc} \text{Giá vốn thực tế} & & \text{Giá trị nguyên vật liệu} \\ \text{nhập kho} & = & \text{xuất ngoài gia công} \\ & & + \text{Chi phí gia công chế} \\ & & \text{biến} \end{array}$$

Chi phí thuê ngoài gia công bao gồm: tiền thuê gia công phải trả, chi phí vận chuyển đến cơ sở gia công...

### ❖ Đối với vật liệu nhận từ các tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn

$$\begin{array}{rcc} \text{Giá vốn thực tế} & & \text{Giá do hội đồng tiếp nhận} \\ \text{nhập kho} & = & \text{bàn giao xác định trên cơ sở} \\ & & \text{giá thị trường} \\ & & + \text{Chi phí tiếp nhận} \end{array}$$

❖ Đối với vật liệu thu hồi từ quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì giá thực tế được đánh giá theo giá ước tính hoặc theo giá bán trên thị trường

❖ Đối với vật liệu tặng thưởng: giá thực tế được tính là giá trị của vật liệu đó ghi trên biên bản bàn giao hoặc ghi theo giá trị vật liệu tặng thưởng tương đương với giá thị trường

#### 1.2.3.1.2 Sổ sách sử dụng

Theo chế độ chứng từ kế toán quy định ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, các chứng từ kế toán nguyên vật liệu bao gồm:

- Phiếu nhập kho: Mẫu 01-VT

- Hóa đơn GTGT: Mẫu 01 GTGT (dùng cho doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ)

- Hoá đơn bán hàng: Mẫu 02GTGT-3LL (dùng cho doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp)

-Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa: Mẫu 03-VT

-Bảng kê mua hàng: Mẫu 06-VT

-Thẻ kho: Mẫu S12-DN

Đối với các chứng từ này phải lập kịp thời đầy đủ theo đúng quy định về mẫu biểu, nội dung, phương pháp lập. Người lập phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý của chứng từ của các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh.

Mỗi doanh nghiệp sử dụng phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu không giống nhau cho nên các loại sổ kế toán cũng khác nhau như: sổ (thẻ) kho, sổ đối chiếu luân chuyển, sổ số dư.

### 1.2.3.2 Kế toán xuất kho nguyên vật liệu

#### 1.2.3.2.1 Xác định giá xuất kho

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02- “Hàng tồn kho” được ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ tài chính, trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho được xác định dựa vào một trong bốn phương pháp sau:

#### **a. Phương pháp đích danh**

Theo phương pháp này, giá trị hàng tồn kho xuất ra thuộc lần nhập kho nào thì lấy đích danh giá nhập kho của lần nhập đó làm giá xuất kho.

Phương pháp này có ưu điểm là kết quả tính toán chính xác cao vì nó xác định giá trị nguyên vật liệu xuất kho trên cơ sở giả định rằng nguyên vật liệu nhập theo giá nào thì khi xuất được tính theo giá đó.

Tuy nhiên, để áp dụng phương pháp này đòi hỏi doanh nghiệp phải có điều kiện tốt về kho hàng, bên bãi để tách riêng nguyên vật liệu giữa lần nhập khác nhau. Do đó, phương pháp này chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng, ổn định và nhận diện được.

#### **b. Phương pháp bình quân gia quyền**

Theo phương pháp này, giá thực tế vật liệu xuất kho trong kỳ được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế từng} \\ \text{loại xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng từng} \\ \text{loại xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá đơn vị} \\ \text{bình quân} \end{array}$$

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Trong đó, giá đơn vị bình quân cũng có thể tính theo một trong 3 cách sau:

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân} = \frac{\text{Trị giá thực tế vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế vật liệu nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng vật liệu nhập trong kỳ}}$$

- Phương pháp bình quân liên hoàn

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế từng loại tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế từng loại tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

- Phương pháp giá đơn vị bình quân cuối kỳ trước

$$\text{Giá đơn vị bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Giá thực tế từng loại tồn kho đầu kỳ(hoặc cuối kỳ trước)}}{\text{Lượng thực tế từng loại tồn kho đầu kỳ(hoặc cuối kỳ trước)}}$$

- Khi tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ thì có ưu điểm dễ làm, đơn giản nhưng độ chính xác không cao, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán

- Khi tính theo phương pháp bình quân liên hoàn thì có ưu điểm chính xác, cập nhật nhưng tốn công sức và phải tính nhiều lần

- Khi tính theo phương pháp giá đơn vị bình quân cuối kỳ trước thì có ưu điểm dễ tính, phản ánh kịp thời tình hình biến động của vật liệu trong kỳ nhưng không chính xác và không tính đến sự biến động của giá cả

### **c. Phương pháp nhập trước, xuất trước( FIFO)**

Theo phương pháp này, giả thiết rằng số vật liệu nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng số hàng xuất. Nói cách khác, cơ sở của phương pháp này là giá thực tế vật liệu và giá mua thực tế vật liệu nhập kho trước sẽ được dùng làm giá để tính giá thực tế của vật liệu xuất trước, và do vậy giá trị vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ là giá trị thực

tế của số vật liệu nhập kho sau cùng.

Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm. Phù hợp với các doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, tần suất nhập kho không nhiều, giá cả ổn định.

#### **d. Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)**

Phương pháp này giả định rằng những vật liệu nhập kho sau cùng sẽ được xuất trước tiên, ngược lại với phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị nguyên vật liệu cuối kỳ sẽ là giá của lần nhập đầu tiên.

Phương pháp thích hợp trong trường hợp giá cả có xu hướng tăng. Phù hợp cho các doanh nghiệp sử dụng ít các loại nguyên vật liệu

#### 1.2.3.2.2 Sổ sách sử dụng

Theo chế độ chứng từ kế toán quy định ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, các chứng từ kế toán nguyên vật liệu bao gồm:

- Phiếu xuất kho: Mẫu 02-VT
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ: Mẫu 03P XK-3LL
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kì: Mẫu 04-VT
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ: Mẫu 07-VT
- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa: Mẫu S10-DN
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa: Mẫu S11-DN
- Thẻ kho: Mẫu S12-DN

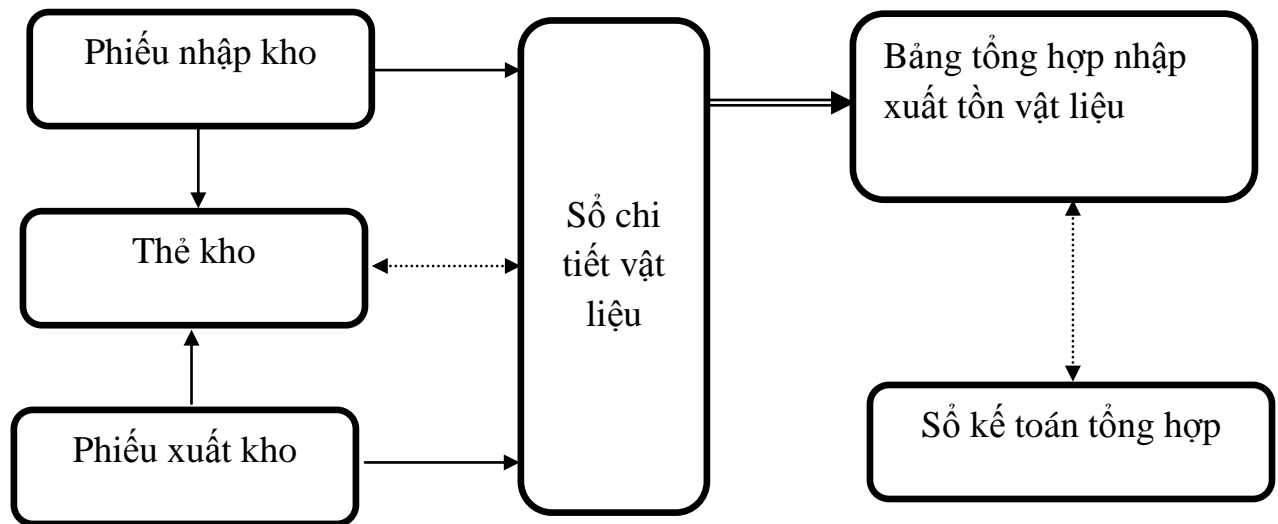
Ngoài các sổ kế toán trên còn có thể mở thêm các bảng kê nhập xuất, bảng kê lũy kế tình hình nhập - xuất tồn nguyên vật liệu phục vụ cho việc ghi sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu được đơn giản và nhanh chóng.

#### 1.2.3.3 Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của mình mà doanh nghiệp lựa chọn một trong 3 phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu sau:

## a. Phương pháp thẻ song song

Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ←-----> Quan hệ đối chiếu
- ====> Ghi cuối tháng

Nội dung:

- Tại kho: Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu về mặt số lượng. Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép các số thực nhập, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho. Định kì thủ kho gửi các chứng từ nhập, xuất đã được phân loại theo từng thứ vật liệu cho kế toán

- Tại phòng kế toán: Kế toán sử dụng thẻ (sổ) kế toán chi tiết vật liệu để phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm theo từng danh điểm vật liệu tương ứng thẻ kho mở ở kho về cả chỉ tiêu số lượng và giá trị đồng thời phải kiểm tra chính xác các chứng từ nhập, xuất trước khi ghi chép.

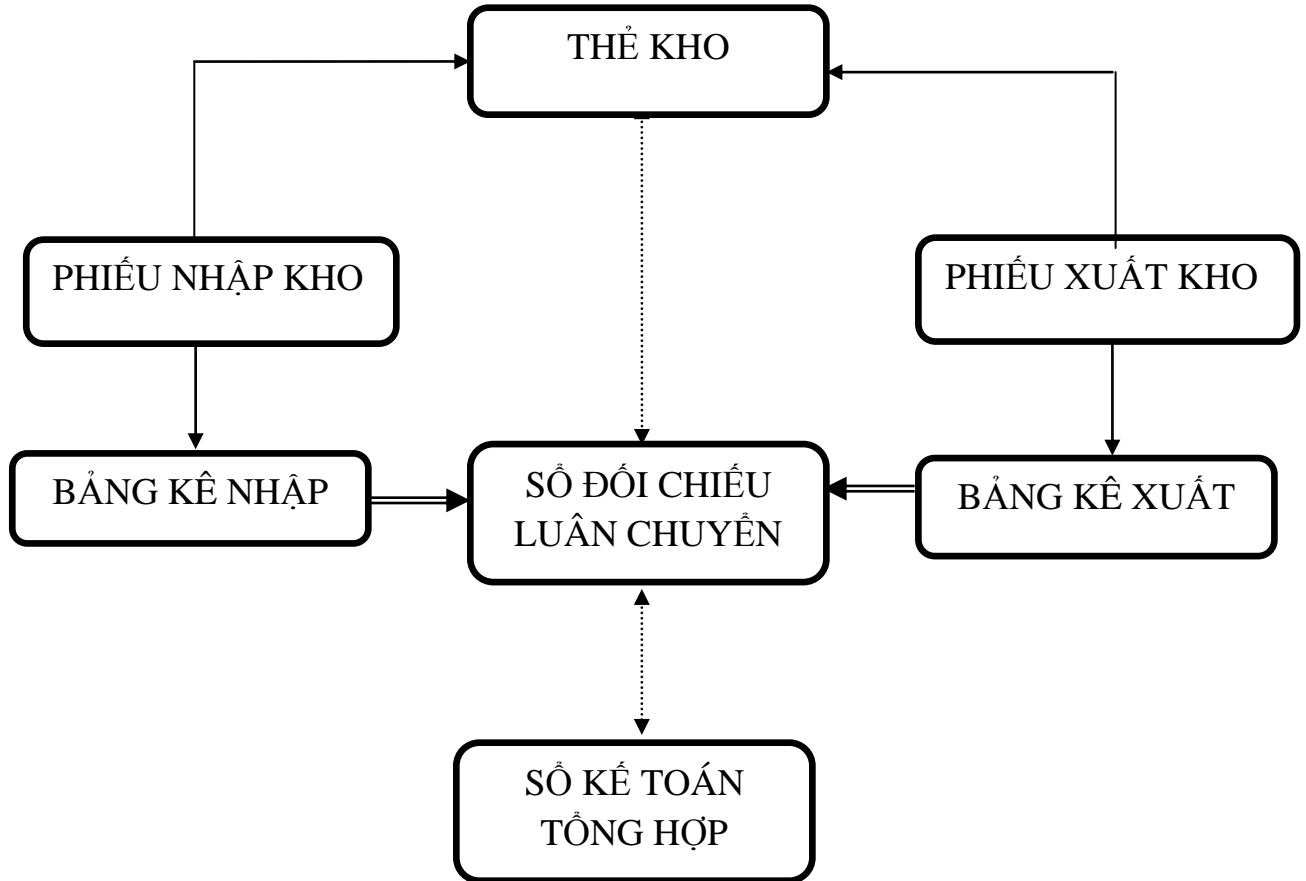
Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán phải căn cứ vào các thẻ kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho vào cuối tháng về mặt giá trị của từng loại vật liệu.

Phương pháp thẻ song song có ưu điểm: đơn giản, dễ làm, độ tin cậy cao, tuy nhiên việc ghi chép còn nhiều trùng lặp về chỉ tiêu số lượng và khối lượng

công việc ghi chép lớn. Do đó, phương pháp này chỉ thích hợp với doanh nghiệp có quy mô nhỏ, số lượng nghiệp vụ ít, trình độ nhân viên kế toán chưa cao.

**b. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển**

Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ←·····→ Quan hệ đối chiếu
- ====→ Ghi cuối tháng

Nội dung:

- Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn của từng loại vật liệu về mặt số lượng.

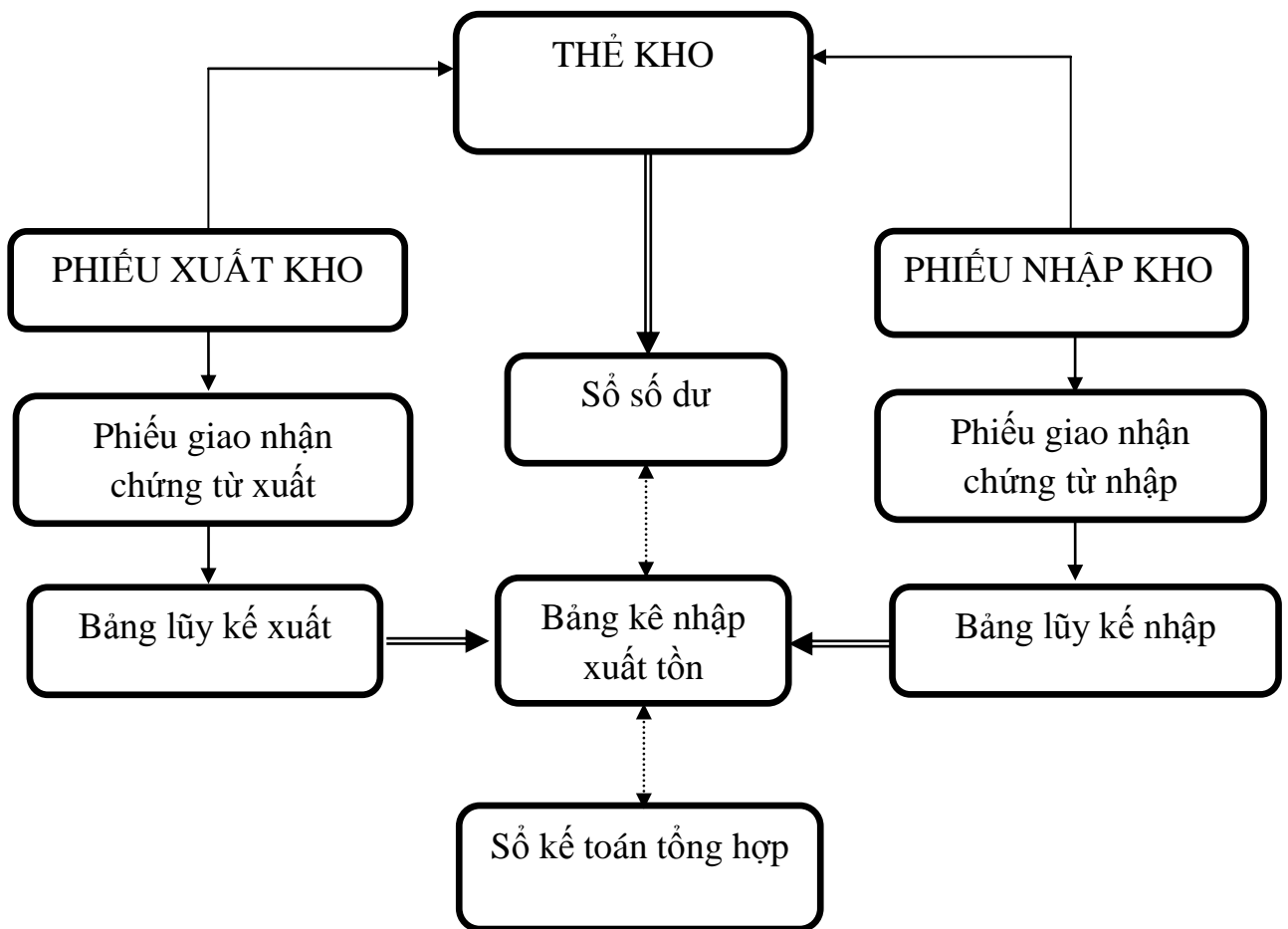
- Tại phòng kế toán: Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho do thủ kho chuyển tới, kế toán vật tư lập bảng kê nhập và bảng kê xuất. Kế toán vật tư không mở thẻ chi tiết vật tư mà mở sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng và giá trị từng danh điểm vật tư theo từng kho. Sổ này được mở ở thời

điểm cuối tháng trên cơ sở là các bảng kê nhập, xuất. Mỗi bảng kê được ghi một dòng trên sổ theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị. Cuối tháng, cộng sổ cột số lượng được đối chiếu với thẻ kho, cột giá trị được đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp.

Phương pháp này có ưu điểm là dễ kiểm tra, dễ đối chiếu, khối lượng ghi chép giảm do chỉ ghi một lần vào cuối tháng. Tuy nhiên nó vẫn còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng giữa kho và phòng kế toán.

Phương pháp này phù hợp với những doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, mật độ nhập xuất ít.

### c. Phương pháp sổ số dư



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ←.....→ Quan hệ đối chiếu
- ====> Ghi cuối tháng

Nội dung:

- Tại kho: giống như hai phương pháp trên. Định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập kho, xuất kho phát sinh theo từng vật liệu. Sau đó, lập phiếu giao nhận chứng từ và nộp cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập, xuất kho vật liệu. Ngoài ra, thủ kho còn phải ghi số lượng vật liệu tồn kho theo từng danh điểm vật tư vào cuối tháng. Số số dư được kế toán mở cho từng kho và ghi cả năm, ghi xong thủ kho phải chuyển trả về phòng kế toán để kiểm tra và tính tiền cho vật liệu.

- Tại phòng kế toán: Định kỳ, nhân viên kế toán phải xuống kho để hướng dẫn, kiểm tra việc ghi chép thẻ kho của thủ kho và thu nhận chứng từ. Khi nhận được chứng từ, kế toán kiểm tra và tính giá theo từng chứng từ (giá hạch toán), tổng cộng số tiền và ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ. Đồng thời ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm vật liệu vào bảng lũy kế nhập, xuất, tồn kho.

Tiếp đó, cộng số tiền nhập, xuất trong tháng và dựa vào số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm vật liệu. Số dư này được dùng để đối chiếu với cột “số tiền” trên sổ số dư (số liệu trên sổ số dư do kế toán vật tư tính bằng cách lấy số lượng tồn kho x giá hạch toán).

Phương pháp này có ưu điểm là tránh được sự trùng lặp về chỉ tiêu số lượng, nâng cao hiệu suất kế toán. Tuy vậy, do thủ kho chỉ theo dõi số lượng, kế toán chỉ theo dõi chỉ tiêu giá trị nên khi muốn biết tình hình nhập, xuất của vật tư nào đó thì không thể xem trên sổ kế toán mà phải xem trực tiếp trên thẻ kho

Phương pháp này chỉ nên áp dụng với những doanh nghiệp quy mô lớn, nhiều loại nguyên vật liệu, các nghiệp vụ nhập, xuất nhiều, có hệ thống danh điểm vật tư hợp lý.

### ***1.2.4 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu***

Theo chế độ kế toán hiện hành có hai phương pháp kế toán hàng tồn kho, doanh nghiệp căn cứ vào đặc điểm, tính chất, số lượng, chủng loại vật tư để lựa chọn phương pháp phù hợp.



### 1.2.4.1 Các phương pháp hạch toán hàng tồn kho

1.2.4.1.1 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng, giảm hàng tồn kho một cách thường xuyên, liên tục trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho. (*Giáo trình kế toán tài chính- PGS.TS Nguyễn Văn Công – NXB Đại học Kinh tế Quốc dân*)

Theo phương pháp này, tại bất kỳ thời điểm nào, kế toán cũng có thể xác định được lượng nhập, xuất, tồn kho từng loại hàng tồn kho nói chung và nguyên vật liệu nói riêng.

Phương pháp này có ưu điểm là cung cấp thông tin về tình hình biến động hàng tồn kho một cách kịp thời, chính xác. Nhược điểm là nếu giữa số liệu kiểm kê và số liệu theo tính toán có sự chênh lệch thì làm cho giá trị sản xuất theo chứng từ kế toán xa rời với giá vốn thực tế nên công việc kế toán sẽ phức tạp, mất nhiều công sức do phải điều chỉnh lại sự chênh lệch vì vậy phương pháp này chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn.

#### ❖ Tài khoản sử dụng

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

**Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu”** : tài khoản này phản ánh giá trị hiện có và tình hình tăng giảm của nguyên vật liệu trong kho

Nợ	152	Có
<p><u>SDDK</u> : Trị giá thực tế tồn đầu kì</p> <p style="text-align: center;"><u>Phát sinh tăng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác</li> <li>- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê</li></ul>		<p style="text-align: center;"><u>Phát sinh giảm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng cho sản xuất kinh doanh để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc mang góp vốn</li> <li>- Trị giá của nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua</li> <li>- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng</li> <li>- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê</li></ul>
<hr/> <u>Cộng số phát sinh</u>		<hr/> <u>Cộng số phát sinh</u>
<p><u>SDCK</u>: Trị giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kì</p>		

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

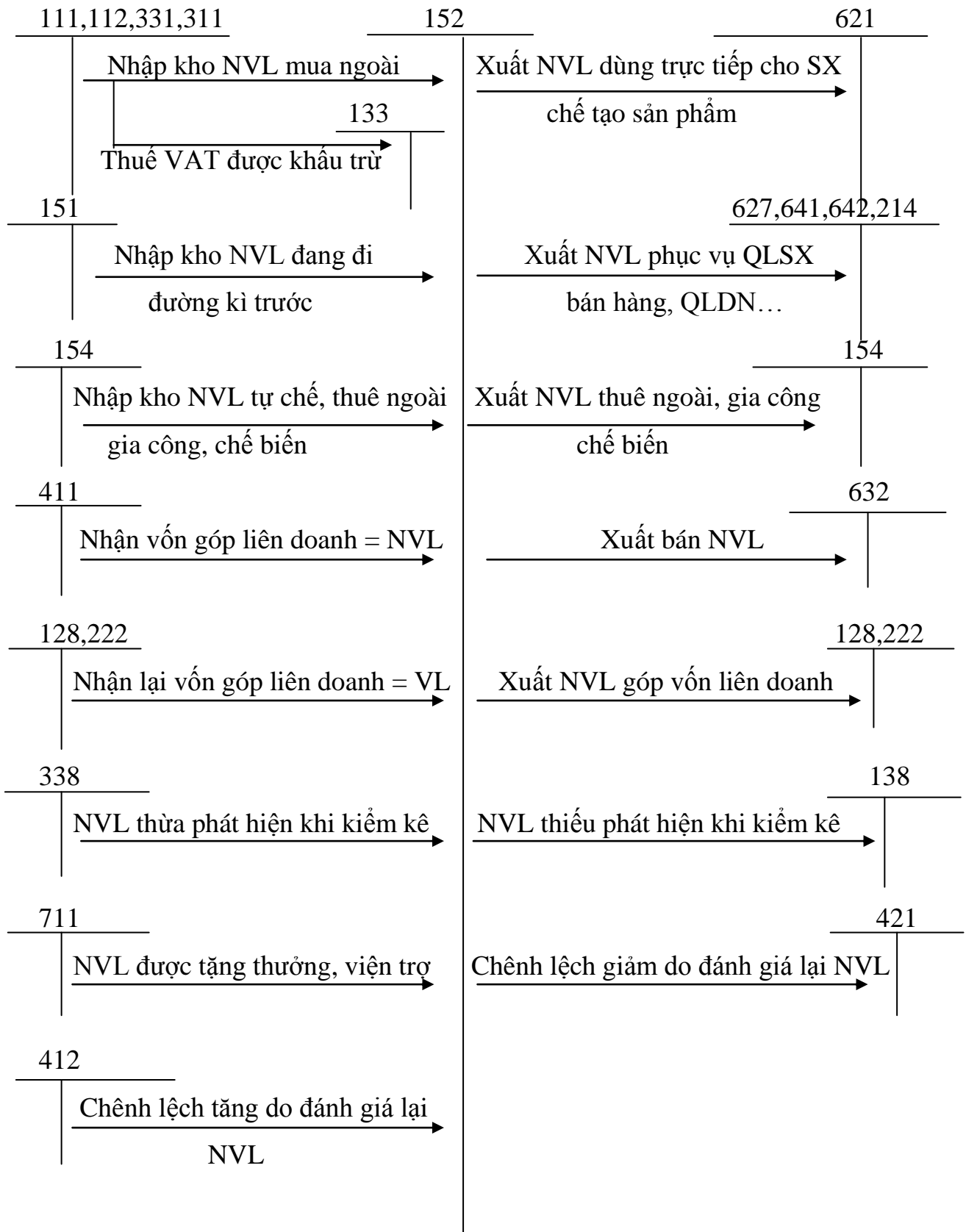
---

**Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”** : Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các loại vật tư, hàng hóa mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ nhập kho

Nợ	151	Có
<p><u>SDĐK</u> : Trị giá thực tế tồn đầu kỳ</p> <p style="text-align: center;"><u>Phát sinh tăng</u> :</p> <p>- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường</p>		<p style="text-align: center;"><u>Phát sinh giảm</u>:</p> <p>- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường, đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng</p>
Cộng số phát sinh		Cộng số phát sinh
<p><u>SDCK</u> : Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường</p>		

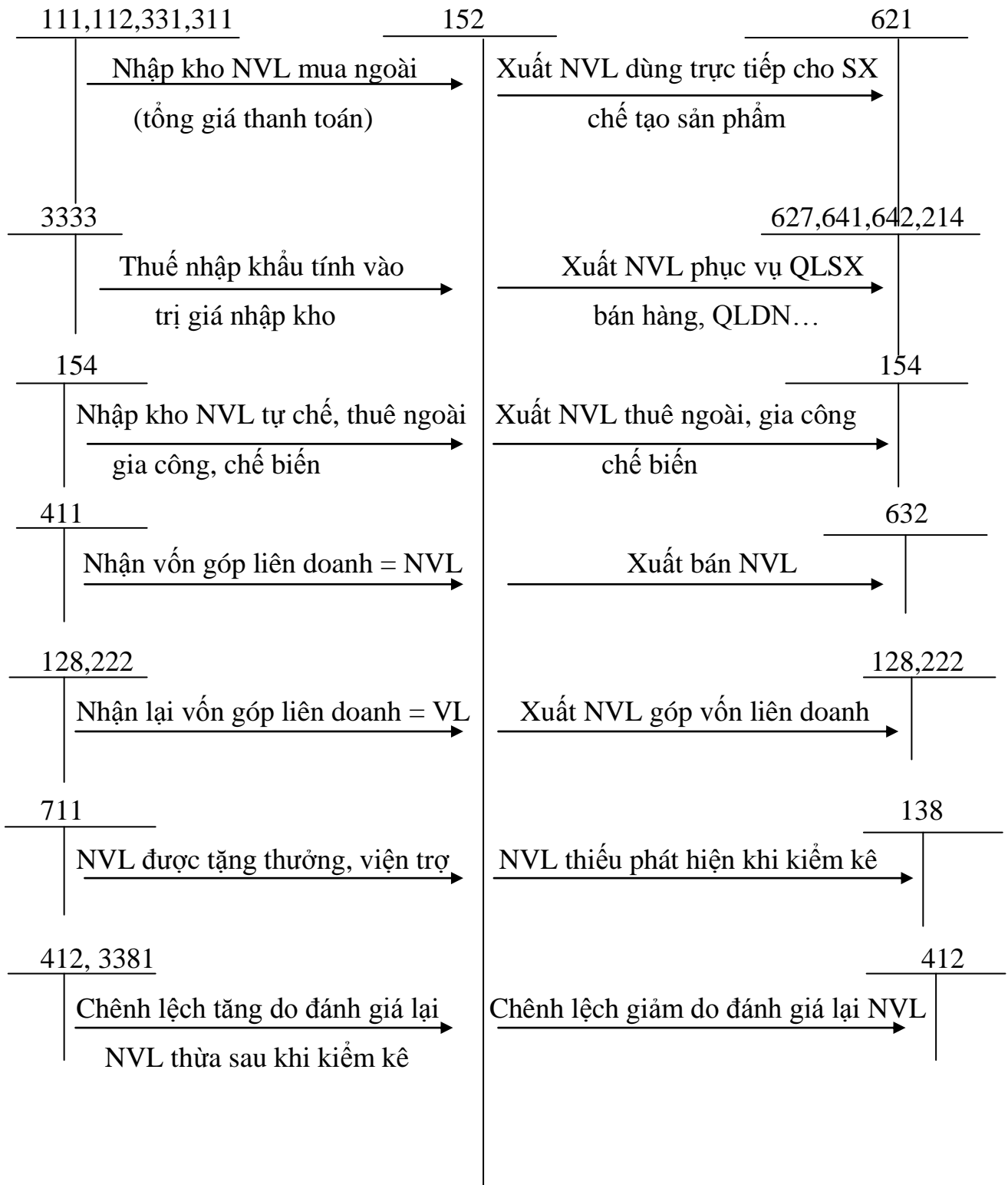
## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**❖ Trình tự kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp KCTX,  
tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ**



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### ❖ Trình tự kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp KCTX, tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp



### 1.2.4.1.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi một cách thường xuyên, liên tục tình hình biến động của các loại vật tư sản phẩm trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho mà chỉ phản ánh giá trị tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ của chúng trên cơ sở kiểm kê cuối kỳ, xác định lượng tồn kho thực tế. (*Giáo trình kế toán tài chính-PGS.TS Nguyễn Văn Công – NXB Đại học Kinh tế Quốc dân*)

Đối với biến động tăng hàng tồn kho, kế toán phản ánh một cách thường xuyên, liên tục như phương pháp kê khai thường xuyên nhưng sử dụng tài khoản riêng để theo dõi hàng tồn kho là TK 611 “Mua hàng”.

Đối với hàng tồn kho giảm trong kỳ, kế toán chỉ ghi vào sổ một lần vào ngày cuối kỳ trên cơ sở kiểm kê sẽ xác định hàng tồn kho xuất dùng trong kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá trị vật} & & \text{Giá trị vật liệu,} & & \text{Tổng giá trị vật} & & \text{Giá trị vật liệu,} \\ \text{liệu, dụng cụ,} & & \text{dung cụ, sản phẩm} & & \text{liệu, dụng cụ,} & & \text{dung cụ, sản phẩm} \\ \text{sản phẩm xuất} & = & \text{còn lại chưa sử} & + & \text{sản phẩm tăng} & - & \text{còn lại, chưa sử} \\ \text{dùng trong kỳ} & & \text{dụng đầu kỳ} & & \text{thêm trong kỳ} & & \text{dụng cuối kỳ} \end{array}$$

Phương pháp này có ưu điểm là ghi chép đơn giản, gọn nhẹ vì không phải đối chiếu giữa số liệu kế toán và số lượng kiểm kê mà số liệu kế toán luôn khớp với thực tế. Tuy nhiên nhược điểm của phương pháp này là trên tài khoản tổng hợp không thể hiện rõ giá trị vật liệu xuất dùng hoặc xuất bán cho từng đối tượng, từng nhu cầu khác nhau và không theo dõi được số mất mát, hư hỏng. Phương pháp này áp dụng cho các đơn vị sản xuất có quy mô nhỏ hoặc ở các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có nhiều mặt hàng giá trị thấp.

#### ❖ Tài khoản sử dụng

**Tài khoản 611 “Mua hàng”**: theo dõi tình hình thu mua, tăng, giảm nguyên vật liệu trong kỳ theo giá thực tế (giá mua và chi phí thu mua) và được mở chi tiết cho từng loại vật liệu.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 611:

Nợ	611	Có
<ul style="list-style-type: none"><li>- Kết chuyển giá gốc nguyên vật liệu tồn kho đầu kì ( theo kết quả kiểm kê)</li><li>- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu mua vào</li></ul>		<ul style="list-style-type: none"><li>- Kết chuyển giá gốc nguyên vật liệu tồn kho cuối kì (theo kết quả kiểm kê)</li><li>- Giá gốc nguyên vật liệu xuất dùng trong kỳ hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kì)</li><li>- Giá gốc nguyên vật liệu mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá</li></ul>

Tài khoản 611 không có số dư cuối kì

**Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu”** : tài khoản này theo dõi giá trị hiện có, tình hình tăng giảm nguyên vật liệu theo giá thực tế, có thể mở chi tiết cho từng loại, từng nhóm ... theo yêu cầu quản lý.

Nợ	152	Có
<p>Trị giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê</li></ul>		<ul style="list-style-type: none"><li>- Trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho</li><li>- Trị giá nguyên vật liệu trả lại người bán, được giảm giá hoặc được hưởng chiết khấu</li><li>- Trị giá nguyên vật liệu thiếu phát hiện do kiểm kê</li></ul>
Cộng số phát sinh		Cộng số phát sinh
<p><u>SDCK</u> : Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kì</p>		

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

**Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”** : tài khoản này theo dõi các loại nguyên vật liệu mà doanh nghiệp đã mua hay chấp nhận mua, đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng cuối tháng chưa về nhập kho

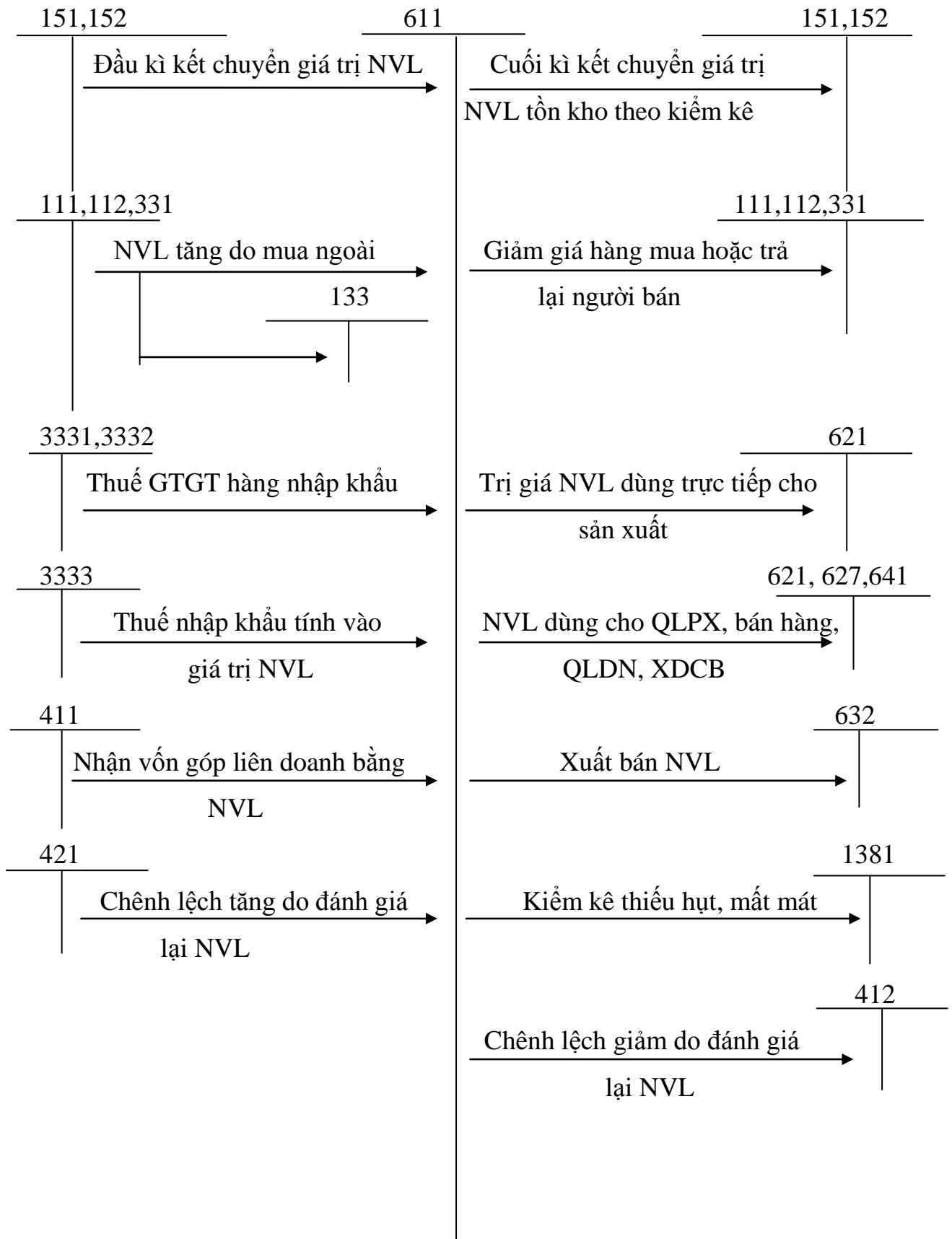
Kết cấu và nội dung phản ánh của TK151:

Nợ	151	Có
Giá trị hàng đi đường phát sinh trong kì		Giá trị hàng đi đường kì trước đã về nhập kho hay chuyển giao cho bộ phận sử dụng hay cho khách hàng
Cộng số phát sinh		Cộng số phát sinh
<u>SDCK</u> : Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường, chưa về nhập kho đơn vị		



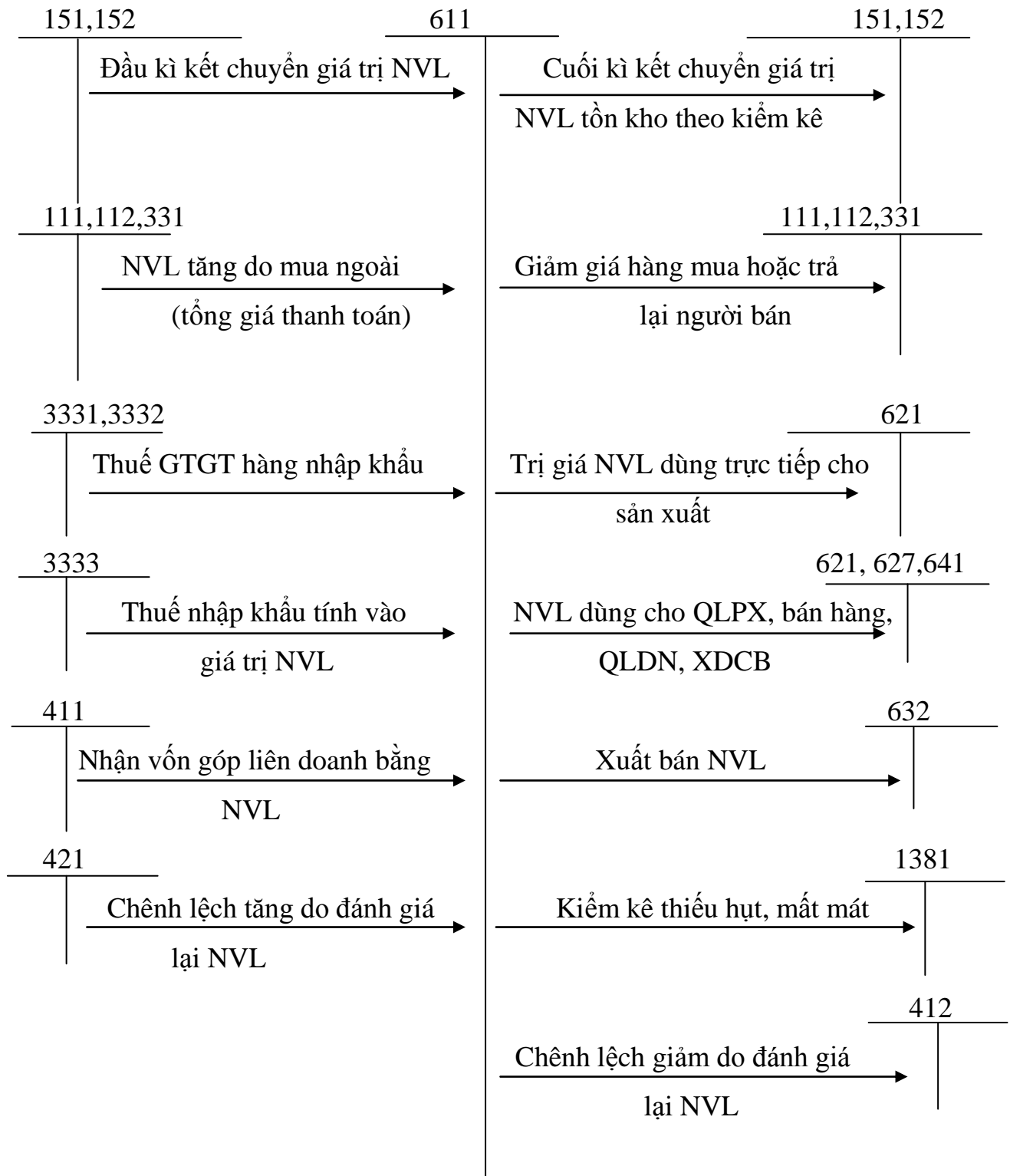
**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

❖ **Trình tự kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp KKĐK, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ**



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ **Trình tự kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp KKĐK, tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp**



Trong các phương pháp trên thì phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được sử dụng nhiều và Xí nghiệp địa chất Đông Triều cũng đang áp dụng phương pháp này. Do thời gian có hạn nên em chỉ nghiên cứu các phương pháp này như đã trình bày ở trên.

### **1.2.5 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

#### **1.2.5.1 Khái niệm dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Theo chuẩn mực VAS 02 và thông tư hướng dẫn VAS được ban hành ngày 9/10/2002, thông tư 89/2002/TT-BTC hướng dẫn hạch toán hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán hàng tồn kho đã ban hành ngày 31/12/2001 thì: Dự phòng là sự xác nhận về phương diện kế toán một khoản giảm giá trị tài sản hay lợi ích kinh tế của doanh nghiệp do những nguyên nhân mà hậu quả của chúng chưa thực sự chắc chắn.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng tồn kho bị giảm.

#### **1.2.5.2 Tài khoản sử dụng**

<b>Nợ</b>	<b>159</b>	<b>Có</b>
Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập khi ghi giảm giá vốn hàng bán trong kì		Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã được lập tính vào giá vốn hàng bán trong kì
Cộng phát sinh		Cộng phát sinh
<u>SDCK</u> : giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kì		

#### **1.2.5.3 Phương pháp tính mức dự phòng phải lập và phương pháp hạch toán**

##### **1.2.5.3.1 Phương pháp tính mức dự phòng**

Việc trích lập và hoàn nhập dự phòng được tiến hành vào thời điểm cuối niên độ kế toán, trước khi lập các báo cáo tài chính. Đối với các doanh nghiệp có lập báo cáo tài chính giữa niên độ, nếu có biến động lớn về dự phòng, doanh nghiệp có thể điều chỉnh số dự phòng từng loại (trích lập bổ sung hay hoàn nhập) vào cuối kỳ kế toán giữa niên độ (kỳ kế toán quý). Cuối niên độ kế toán,

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

kế toán tiến hành so sánh giá gốc của hàng tồn kho trên sổ sách và giá trị thuần có thể thực hiện được của từng loại vật tư. Nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của từng loại vật tư nhỏ hơn giá trị ghi sổ thì mới tính khoản dự phòng cần trích lập, còn lại thì không.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho (giá trị dự kiến thu hồi) là giá bán (ước tính) của hàng tồn kho trừ các chi phí để hoàn thành sản phẩm và chi phí tiêu thụ (ước tính). Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ để hạch toán vào giá vốn hàng bán (giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hoá tiêu thụ trong kỳ) của doanh nghiệp.

Mức trích lập dự phòng tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng cần lập cho} \\ \text{năm tới của hàng tồn} \\ \text{kho } i \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng tồn} \\ \text{kho } i \text{ cuối niên độ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức giảm giá} \\ \text{hàng tồn kho } i \end{array}$$

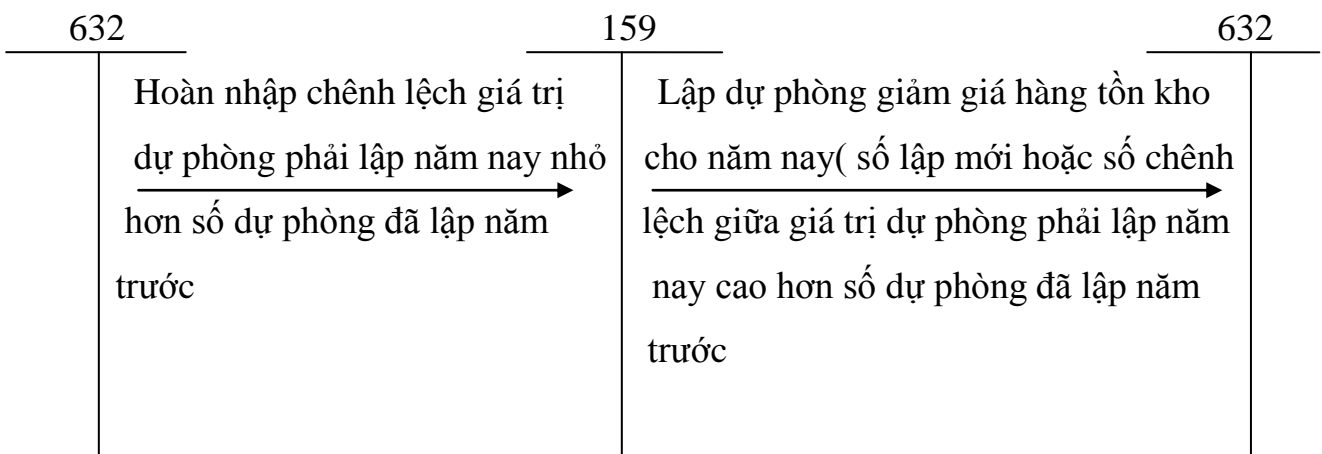
Trong đó :

$$\begin{array}{l} \text{Mức giảm giá của} \\ \text{hàng tồn kho } i \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị ghi sổ} \\ \text{của NVL } i \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có thể} \\ \text{thực hiện được của} \\ \text{NVL } i \end{array}$$

Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải dựa trên cơ sở bằng chứng đáng tin cậy.

### 1.2.5.3.2 Phương pháp hạch toán

Quy trình lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thể hiện khái quát qua sơ đồ sau :



## CHƯƠNG 2

### TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI XÍ NGHIỆP ĐỊA CHẤT ĐÔNG TRIỀU

#### 2.1 TỔNG QUAN VỀ XÍ NGHIỆP ĐỊA CHẤT ĐÔNG TRIỀU

##### 2.1.1 Những nét chung

- ❖ **Tên giao dịch** : Xí nghiệp địa chất Đông Triều- Công ty địa chất mỏ Vinacomin
- ❖ **Địa chỉ**: Yên Thọ , Đông Triều , Quảng Ninh.
- ❖ **Tel**: 0333.871.285
- ❖ **Fax**:0333.871.475

##### 2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển

###### 2.1.2.1 Quá trình hình thành

Đơn vị địa chất đầu tiên được thành lập ở vùng Đông bắc Việt Nam vào năm 1958, đó là Đoàn địa chất 9. Đoàn có gần 20 đội địa chất trực thuộc có nhiệm vụ chuyên tìm kiếm thăm dò khoáng sản than thuộc vùng than tỉnh Quảng Ninh. Khi yêu cầu của nhiệm vụ địa chất thăm dò tìm kiếm ngày càng phát triển thì đến ngày 07 tháng 11 năm 1964 Thủ tướng chính phủ có công văn số 3122 CN cho phép Tổng cục địa chất nâng cấp Đoàn thăm dò số 9 lên thành Liên đoàn địa chất 9 và các đội địa chất phát triển lên thành các đoàn địa chất trực thuộc Liên đoàn địa chất.

Đoàn 9H được hình thành trong điều kiện đó, đoàn được thành lập năm 1965 tại đảo Kế Bào. Năm 1972, Đoàn 9H được đổi tên thành Đoàn địa chất 906. Năm 1980, do yêu cầu của nhiệm vụ địa chất, Đoàn địa chất 906 được Liên đoàn 9 và Tổng cục địa chất Việt Nam điều động từ đảo Kế Bào về Mạo Khê- Đông Triều với nhiệm vụ đánh giá lại trữ lượng và chất lượng than phục vụ cho nhà máy điện Phả Lại.

Ngày 30 tháng 4 năm 1990, Tổng cục địa chất sát nhập vào Bộ công nghiệp nặng. Ngày 26 tháng 4 năm 1991, Bộ công nghiệp nặng bàn giao Liên đoàn 9 sang Bộ năng lượng theo quyết định số 03 CNNg/TC ngày 13 tháng 11 năm 1991.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Do yêu cầu quản lý, ngày 30 tháng 6 năm 1993 Bộ năng lượng ra quyết định số 442 NL/TCCB-LĐ về việc thành lập doanh nghiệp nhà nước lấy tên là Xí nghiệp địa chất 906 trực thuộc Công ty địa chất và khai thác khoáng sản.

Ngày 10 tháng 10 năm 1994, Thủ tướng chính phủ có quyết định số 563 TTg thành lập Tổng công ty than Việt Nam. Xí nghiệp địa chất 906 hoạt động theo điều lệ của Tổng công ty than Việt Nam. Từ khi Công ty địa chất trở thành thành viên của Tổng công ty than Việt Nam thì công tác thăm dò được bổ sung thêm nhiệm vụ và nguồn vốn. Xí nghiệp địa chất là đơn vị đầu tiên được đầu tư thiết bị khoan thăm dò địa chất theo công nghệ /mới của Nhật Bản, đây là loại máy có năng suất cao, chất lượng mẫu đảm bảo.

Do yêu cầu của nhiệm vụ, ngày 10 tháng 12 năm 2002 Xí nghiệp địa chất 906 được sát nhập với Xí nghiệp địa chất 909 theo quyết định số 1748 QĐ-TCCB của Tổng công ty than Việt Nam và đổi tên thành Xí nghiệp địa chất- trắc địa Đông Triều thuộc Công ty địa chất và khai thác khoáng sản.

Tháng 4 năm 2003, do yêu cầu chuyên môn hóa sản xuất , sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Công ty địa chất và khai thác khoáng sản. Tổng công ty than ra quyết định tách Công ty địa chất và khai thác khoáng sản ra thành hai. Công ty địa chất mỏ TKV được thành lập theo quyết định số 616/QĐ-HĐQT vào ngày 24 tháng 4 năm 2003 của Hội đồng quản trị than Việt Nam. Với nhiệm vụ chủ yếu chuyên làm công tác khoan thăm dò và đo đạc địa hình.

Năm 2004 Công ty địa chất mỏ kỉ niệm 45 năm ngày thành lập Ngành địa chất Việt Nam.

Địa bàn hoạt động của Xí nghiệp diễn ra trên một diện tích rộng từ Mạo Khê-Đông Triều đến Mông Dương-Cẩm Phả, Đông Rì- Bắc Giang.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 2.1.2.2 Quá trình phát triển

Thông qua bảng sau ta có thể thấy được tình hình phát triển của Xí nghiệp trong thời gian qua:

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1. Tổng sản lượng sản xuất (mét khoan)	42.930	50.005	56.245
2. Tổng doanh thu (triệu đồng)	142.402	171.635	198.740
3. Thu nhập bình quân (đồng/ người)	7.165.000	7.895.000	8.315.000
4. Nộp thuế TNDN (đồng)	714.665.000	914.250.000	1.032.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế (nghìn đồng)	2.143.995	2.742.750	3.096.000

Ta có thể đánh giá khái quát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp năm 2010 như sau:

Xí nghiệp đã thực hiện tốt việc nâng cao sản lượng sản xuất cũng như sản lượng tiêu thụ trong năm 2010, điều đó đã thể hiện được những bước phát triển vượt bậc của Xí nghiệp trong giai đoạn mà nền kinh tế đang có rất nhiều khó khăn. Quy mô và năng lực sản xuất của Xí nghiệp đã nâng cao cả về chiều rộng và chiều sâu:

- Thông qua khối lượng sản xuất ta thấy số mét khoan năm 2010 là 56.245 mét, tăng 12,48% so với năm 2009 do Xí nghiệp đã có nhiều cải tiến trong sản xuất, đầu tư hơn vào công nghệ và máy móc thiết bị. Đồng thời Xí nghiệp cũng chú trọng nâng cao tay nghề của cán bộ công nhân viên, tạo điều kiện cho công nhân phát huy năng lực của bản thân, nhiệt tình tham gia phong trào nâng cao sản xuất.

- Sản lượng tiêu thụ năm 2010 đạt 54.120 mét khoan. Để có được kết quả này Xí nghiệp đã cố gắng khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, nhờ vậy không những sản lượng mà cả giá trị cũng tăng, giá thành sản phẩm tăng từ 3.519.996 đồng- 3.672.203 đồng/met khoan giúp doanh thu đạt 198.740.000.000 đồng tăng 27.105.000.000 đồng so với năm 2009 tương đương với 15,79%. Bên cạnh đó Xí nghiệp không có các khoản giảm trừ doanh thu nên không làm giảm tổng doanh thu của Xí nghiệp.

- Thu nhập bình quân tại Xí nghiệp năm 2010 đạt 8.315.000 đồng , tăng

420.000 đồng so với năm 2009 tương ứng 5,32% . Đây chính là kết quả của sự nỗ lực mà cán bộ công nhân viên trong quá trình làm việc và cũng là chủ trương của Ban lãnh đạo Xí nghiệp nhằm nâng cao đời sống của công nhân trong thời kì kinh tế khó khăn.

- Tiền thuế TNDN của Xí nghiệp năm 2010 tăng 117.750.000 đồng so với năm 2009 tương ứng với 12,88% do tổng doanh thu tăng cao nên số nộp ngân sách cũng tăng. Lợi nhuận sau thuế năm 2010 đạt 3.096.000.000 đồng, tăng 353.250.000 đồng tương ứng với 12,88 %, do đơn giá của mét khoan tăng mà chi phí tương đối ổn định nên lợi nhuận sau thuế tăng cao. Đây chính là thành tích tốt của Xí nghiệp trong việc phát triển nâng cao sản xuất trong thời kì kinh tế có nhiều biến động.

Nhìn chung, nhờ sự cố gắng và nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên trong Xí nghiệp đã giúp Xí nghiệp có được kết quả rất tốt trong năm qua. Nhờ việc áp dụng các chính sách phù hợp nên Xí nghiệp không những đã giúp vượt qua giai đoạn khủng hoảng kinh tế mà còn có sự tăng trưởng vượt bậc.

Trên 40 năm xây dựng và trưởng thành Xí nghiệp địa chất Đông Triều luôn là lá cờ đầu về mọi mặt của Công ty Địa chất Mỏ. Xí nghiệp đã tìm kiếm đánh giá gần 50 báo cáo địa chất, đánh giá hàng trăm triệu tấn than và nhiều loại khoáng sản khác phục vụ cho khai thác, xây dựng và đời sống.

Xí nghiệp đã được Đảng, Nhà nước các bộ ngành đánh giá cao trong công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và được tặng nhiều phần thưởng cao quý:

- Hai huân chương lao động hạng nhất
- Năm huân chương lao động hạng ba
- Một huân chương quân công hạng ba
- Danh hiệu anh hùng lao động thời đổi mới.

### ***2.1.3 Chức năng, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh***

#### *Chức năng*

Xí nghiệp Địa chất Đông Triều là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Công ty Địa chất Mỏ, thành viên của TKV, có đầy đủ tư cách pháp nhân, có con dấu riêng. Trụ sở giao dịch tại xã Yên Thọ - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng



Ninh

Giám đốc: Kỹ sư địa chất Vũ Văn Mạnh

*Nhiệm vụ*

Nhiệm vụ chủ yếu của Xí nghiệp là điều tra cơ bản, thăm dò địa chất phục vụ cho khai thác khoáng sản (than và các loại khoáng sản khác) của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, khoan khai thác nước phục vụ cho sinh hoạt, khoan khảo sát địa chất.

*Nhiệm vụ của các phương án là:*

Nghiên cứu xác định cấu trúc các khu mỏ.

Xác định chất lượng tầng vỉa than phục vụ cho công tác khai thác hiện tại của các mỏ.

Xác định trữ lượng than mức -300 bể than Quảng Ninh để phục vụ khai thác cho những năm tiếp theo.

*Ngành nghề kinh doanh*

Tìm kiếm thăm dò khoáng sản, dịch vụ địa chất, trắc địa, xây dựng công trình.

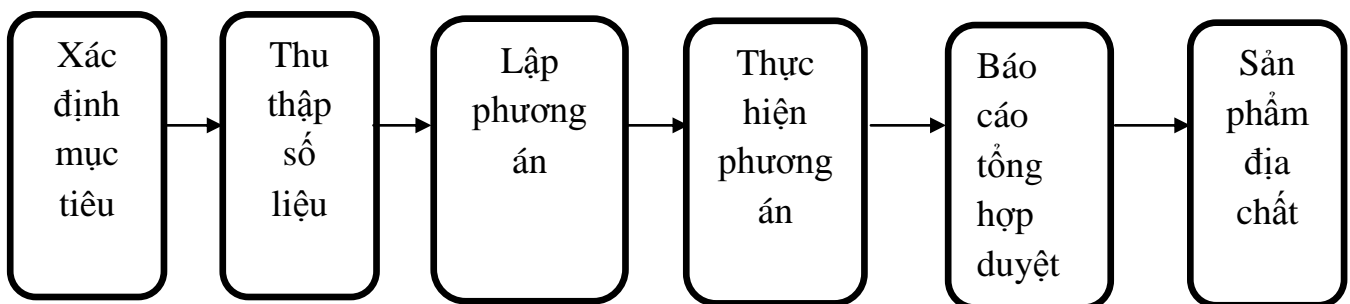
### **2.1.4 Đặc điểm sản phẩm và công nghệ sản xuất**

*Đặc điểm sản phẩm:*

Do tính chất đặc thù riêng của ngành địa chất nên sản phẩm của ngành địa chất là những thông tin được thể hiện trên tờ bản đồ, những thuyết minh, những báo cáo đánh giá trữ lượng, chất lượng khoáng sản...

*Công nghệ sản xuất:*

Ngành địa chất là một ngành khoa học vì vậy sản phẩm địa chất mang tính đặc thù riêng, để có được sản phẩm địa chất thì quá trình nghiên cứu của công tác địa chất được thể hiện theo sơ đồ sau:



Sơ đồ công nghệ công tác địa chất

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ cho khai thác khoáng sản có cơ sở khoa học và phát triển một cách bền vững lâu dài. Công tác tìm kiếm thăm dò luôn đi trước một bước và đi cùng quá trình khai thác. Nội dung các khâu công nghệ như sau:

Xác định mục tiêu: thăm dò bổ sung khu mỏ, xác định chính xác vị trí cần thăm dò từng khu mỏ.

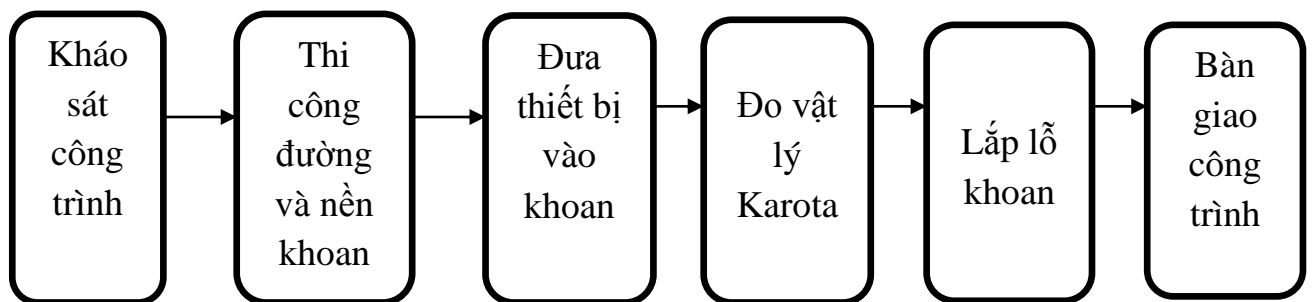
Thu thập tài liệu các công trình mà trước đây các phương án đã thi công.

Lập phương án thi công: dựa trên các tài liệu đã thu thập, lập phương án thi công (khoan, hào, lò giếng) cần thiết.

Thực hiện thi công các phương án: tiến hành thi công các bước ngoài thực địa.

Tiến hành lập báo cáo tổng kết: tổng hợp tài liệu địa chất, tính toán trữ lượng khoáng sản và các tài liệu của phương án lập bổ sung.

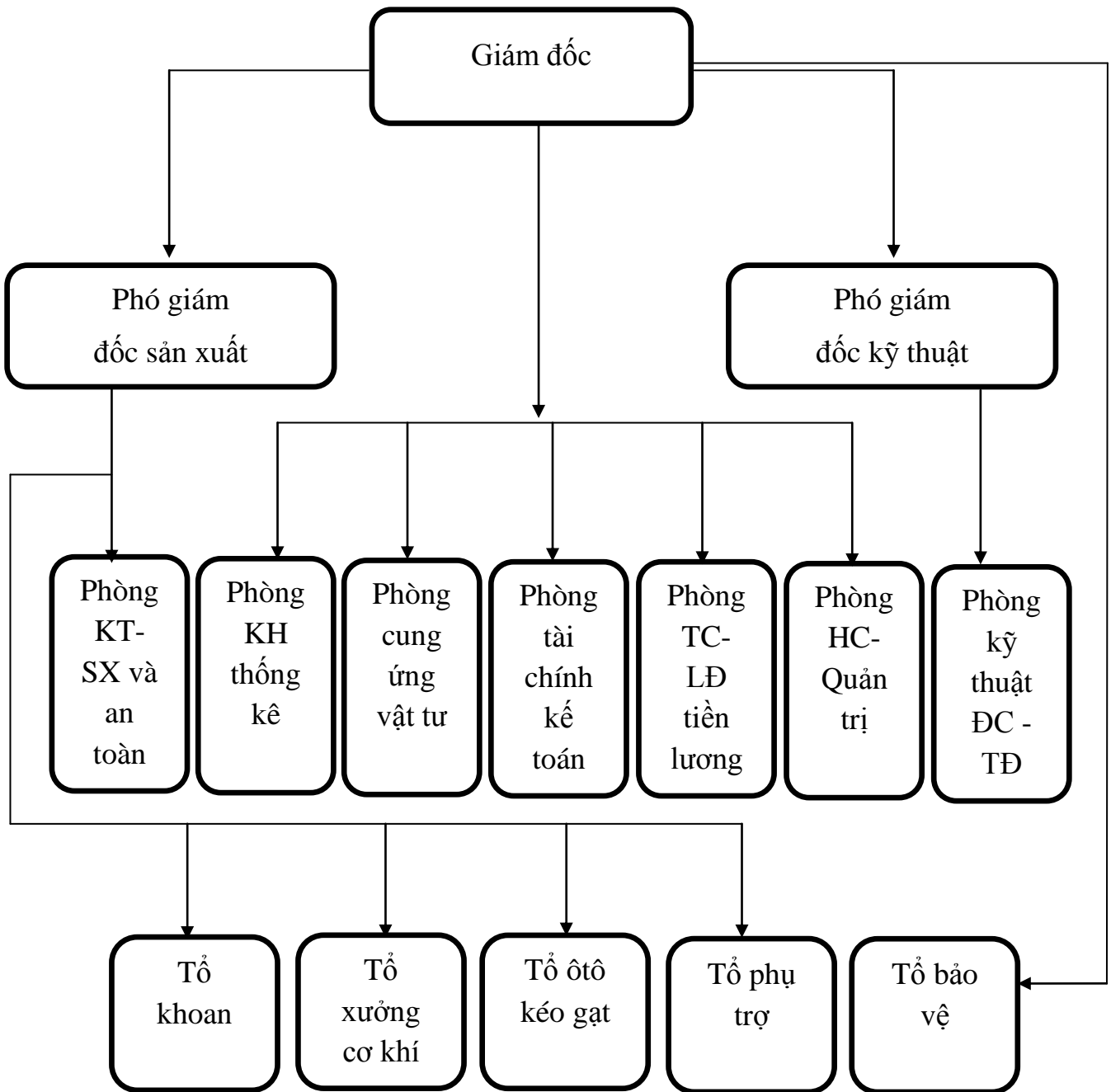
Địa chất là một ngành đặc thù, các khoáng sản thăm dò được nằm sâu trong lòng đất, muốn đánh giá trữ lượng của khoáng sản, ngành địa chất phải dùng tới công nghệ khoan, hào, lò giếng để phát hiện vỉa than. Qua chiều dày vỉa, cấp đất đá, khí trong vỉa, từ đó đánh giá được trữ lượng khoáng sản, cấu tạo địa chất... cung cấp những thông tin chính xác theo yêu cầu. Quá trình khoan thăm dò được thể hiện qua sơ đồ công nghệ công tác khoan như sau:



Sơ đồ công nghệ khoan thăm dò

### 2.1.5 Tổ chức bộ máy quản lý

Xí nghiệp áp dụng hình thức quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng. Theo mô hình này có các cấp quản lý, mỗi cấp quản lý có một thủ trưởng toàn năng, chịu trách nhiệm toàn diện điều hành các cấp mình phụ trách, cấp quản lý càng cao thì phải tập trung giải quyết nhiều hơn các vấn đề chiến lược như hoạch định chiến lược tổ chức cán bộ.



### Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Xí nghiệp

Qua sơ đồ tổ chức ta có thể thấy được chức năng của từng các bộ phận trong Xí nghiệp :

- Giám đốc Xí nghiệp là người có tư cách pháp nhân của Xí nghiệp, là người điều hành và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp cũng như việc thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định. Giám đốc quản lý và điều hành Xí nghiệp thông qua các cố vấn là Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật và Phó giám đốc phụ trách sản xuất.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Các Phó giám đốc giúp việc cho Giám đốc đều phải có trách nhiệm quản lý và điều hành riêng về khâu mình phụ trách, có quyền tham mưu cho Giám đốc và ra quyết định điều hành Xí nghiệp khi được Giám đốc ủy quyền.

- Phó giám đốc kỹ thuật: giúp việc tham mưu cho Giám đốc trong các lĩnh vực thành lập các phương án thăm dò địa chất, nghiên cứu địa tầng cấu trúc địa chất.

- Phó giám đốc sản xuất: giúp việc cho Giám đốc trong việc điều hành sản xuất chung trong Xí nghiệp. Phó giám đốc trực tiếp chỉ đạo sản xuất thông qua phòng Kỹ thuật sản xuất- An toàn để điều hành hàng ngày nhằm điều phối hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp một cách thường xuyên, liên tục và nhịp nhàng. Giải quyết các mối liên hệ giữa các đơn vị trong Xí nghiệp triển khai thực hiện mệnh lệnh của Giám đốc.

Chức năng của các phòng ban:

+ Phòng hành chính – quản trị: giúp việc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Xí nghiệp về công tác quản trị hành chính trong việc chuyển giao các quyết định, công văn, các thủ tục hành chính văn thư, báo chí. Quản lý và sử dụng con dấu của Xí nghiệp, phục vụ mọi yêu cầu thông tin, đảm bảo bí mật mọi công văn giấy tờ, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp, chăm sóc sức khỏe của công nhân viên chức, phục vụ công tác đời sống, vườn hoa, cây cảnh.

+ Phòng tổ chức lao động – tiền lương: làm nhiệm vụ tham mưu xây dựng cơ cấu tổ chức lao động tiền lương, tiền thưởng, điều phối nhân lực hợp lý với cơ cấu sản xuất của Xí nghiệp. Làm các báo cáo định kỳ về nhân lực theo yêu cầu, theo dõi BHXH cho cán bộ công nhân viên.

+ Phòng kế hoạch thống kê: tham mưu và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Xí nghiệp về công tác lập kế hoạch sản xuất trong dài hạn, ngắn hạn. Giao kế hoạch cho các tổ đội sản xuất theo khoán công đoạn, giám sát sản xuất và nghiệm thu chi phí khi kết thúc công việc. Cập nhật thường xuyên tình hình sản xuất của Xí nghiệp để báo cáo Công ty theo định kỳ tháng, quý, năm.

+ Phòng vật tư thiết bị: tham mưu giúp việc cho Giám đốc về công tác lập

kế hoạch quản lý cung ứng, cấp phát vật tư , thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp, kịp thời đáp ứng vật tư cho sản xuất theo quy chế quản lý vật tư của Công ty địa chất mỏ.

+ Phòng tài chính kế toán : tham mưu giúp Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về công tác tài chính kế toán của Xí nghiệp. Thực hiện đầy đủ pháp lệnh tài chính, pháp lệnh kế toán thống kê của Nhà nước và các quy định, quy chế tài chính của Công ty địa chất mỏ.

+ Phòng kỹ thuật địa chất: tham mưu giúp Giám đốc trong việc lập các phương án tìm kiếm, thăm dò địa chất, theo dõi giám sát chỉ đạo thực hiện theo mục tiêu nhiệm vụ phương án đề ra. Cập nhật đầy đủ chi tiết các công trình địa chất để phục vụ cho công tác tổng hợp lập báo cáo. Lập báo cáo địa chất kết quả tìm kiếm thăm dò khoáng sản, đánh giá trữ lượng tài nguyên, xác định nghiên cứu mức độ hoàn thành địa chất, khoanh vùng triển vọng và kiến nghị Nhà nước về giai đoạn nghiên cứu tiếp theo. Báo cáo được thông qua hội đồng đánh giá trữ lượng Nhà nước.

+ Phòng kỹ thuật sản xuất- an toàn: giúp việc Giám đốc toàn bộ khâu lập các phương án kỹ thuật thi công, giám sát thi công các công trình, chỉ đạo việc thực hiện và trực tiếp kiểm tra việc thực hiện công tác an toàn lao động, bảo hộ lao động của Xí nghiệp.

+ Tổ bảo vệ , quân sự : giúp Giám đốc trong việc bảo vệ an toàn chung cho Xí nghiệp.

### **2.1.6 Tổ chức bộ máy kế toán và hình thức kế toán**

#### **2.1.6.1 Công tác kế toán**

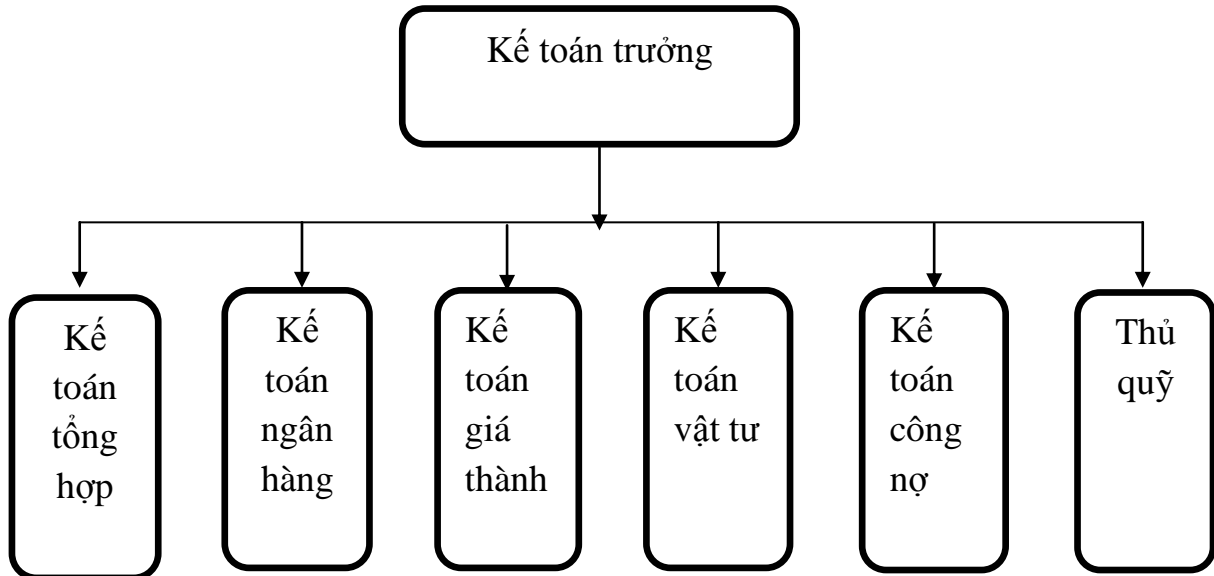
Trong những năm qua, từ khi chuyển đổi sang cơ chế thị trường mỗi bước phát triển của Xí nghiệp đều có sự đóng góp đáng kể của Phòng tài chính kế toán với tư cách là một hệ thống thông tin và kiểm tra, Phòng tài chính kế toán là một trong những bộ phận cực kỳ quan trọng trong hệ thống quản lý của Xí nghiệp. Toàn bộ công tác kế toán tài chính, kế toán và thông tin kinh tế ở đơn vị hoạt động theo quy định của pháp lệnh kế toán thống kê và Điều lệ kế toán nhà nước.

Phòng Kế toán là một trong bảy phòng ban của Xí nghiệp, được tổ chức

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

theo loại hình tập trung , có chức năng cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động kinh tế tài chính trong Xí nghiệp nhằm giúp Giám đốc điều hành và quản lý các hoạt động kinh tế đạt hiệu quả cao.

Mô hình bộ máy kế toán của Xí nghiệp được thể hiện như sau:



### Sơ đồ bộ máy kế toán tại Xí nghiệp

#### *Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận:*

**Kế toán trưởng:** Có trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp Phòng kế toán, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước về các vấn đề liên quan đến tài chính, lập báo cáo kế toán và phân tích kinh tế.

**Kế toán tổng hợp:** Tổng hợp các thông tin về tiền lương và tài sản, về nguyên vật liệu, về thu chi, lên bảng tổng hợp và chịu trách nhiệm trước Phòng với các thông tin đó.

**Kế toán ngân hàng:** Theo dõi giấy báo Nợ, báo Có tại ngân hàng và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng về công việc và số liệu.

**Kế toán giá thành:** Theo dõi tổng hợp, tập hợp chi phí phát sinh để tính giá thành của từng sản phẩm.

**Kế toán vật tư:** Theo dõi nghiệp vụ xuất, nhập nguyên vật liệu, hàng tồn kho, lập các bảng kê thanh toán nhập, xuất, tồn kho hàng tháng, hàng quý để đối chiếu với thủ kho, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng về công việc và số liệu.

**Kế toán công nợ:** Nhiệm vụ thanh toán với người bán hàng và người mua, căn cứ vào các chứng từ hợp lệ, hợp đồng kinh tế để thanh toán rõ ràng.

Thủ quỹ: Chịu trách nhiệm bảo quản kho tiền mặt của Xí nghiệp, tránh mất mát, thiếu hụt và theo dõi thu, chi tiền mặt, căn cứ vào chứng từ hợp lệ, hợp lý ở Xí nghiệp.

### 2.1.6.2 Chính sách kế toán áp dụng

Chế độ kế toán Xí nghiệp đang áp dụng theo nguyên tắc giá gốc và tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và thực hiện theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính và QĐ số 2971/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006, Quyết định ban hành Chế độ kế toán áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam và được Bộ Tài Chính chấp thuận công văn số 6148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006.

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật kí chứng từ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: đồng Việt Nam

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác, hạch toán nguyên tệ theo đúng tỷ giá giao dịch thực hiện. Đối với số dư cuối kỳ, đánh giá theo tỷ giá ngoại tệ giao dịch liên ngân hàng tại thời điểm 31/12.

Phương pháp tính thuế được Xí nghiệp áp dụng kê khai và nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.

Phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

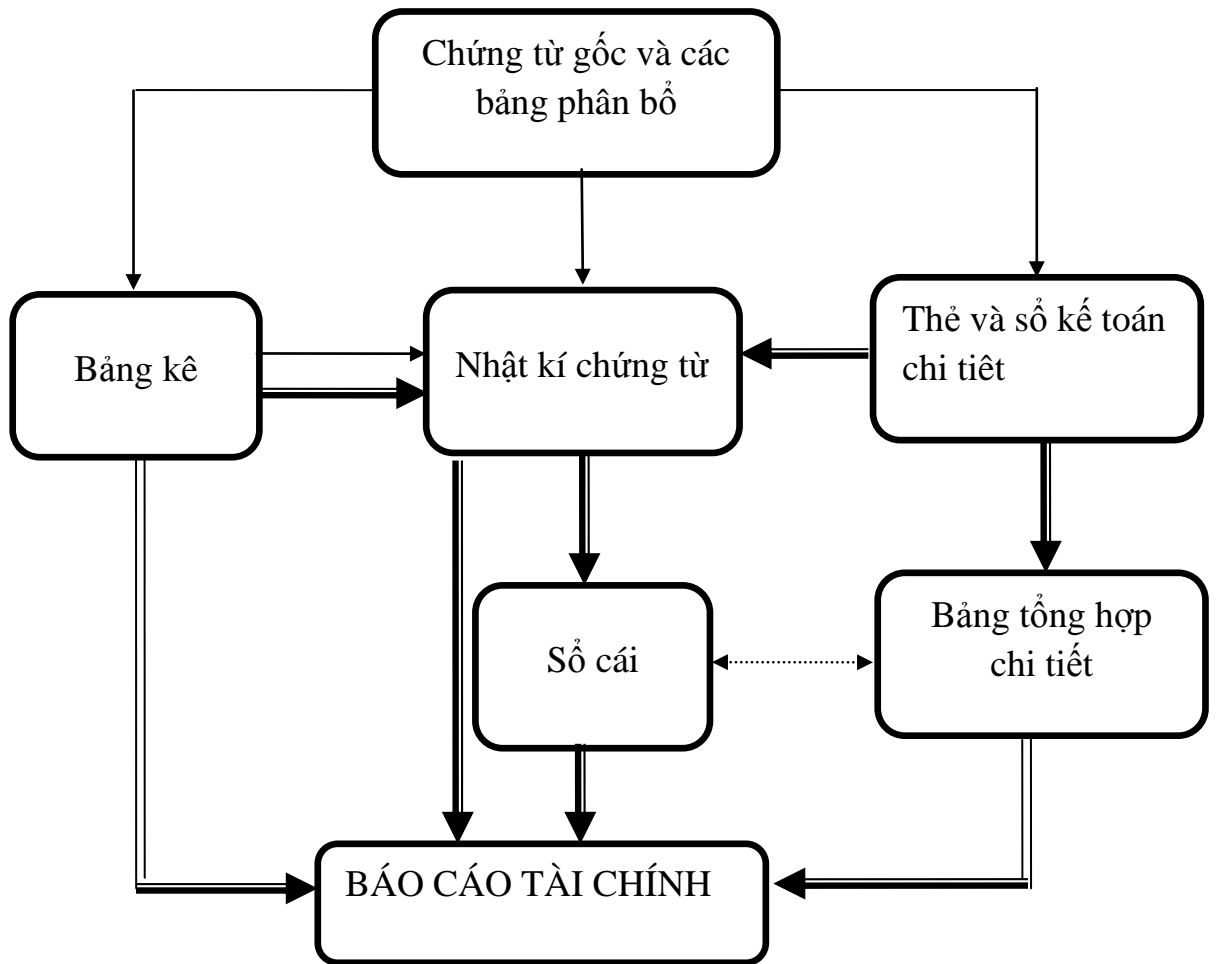
Phương pháp đánh giá hàng tồn kho : xác định theo giá gốc

Nguyên tắc đánh giá tài sản cố định: theo nguyên giá và hao mòn lũy kế

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao thẳng

### 2.1.6.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Xí nghiệp áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức Nhật kí chứng từ. Hệ thống tài khoản và sổ sách kế toán được thiết lập theo quy định, phù hợp với đặc điểm của Xí nghiệp gồm có : Nhật kí chứng từ, Bảng kê, Sổ cái...



*Ghi chú:*

- Ghi hàng ngày
- ←·····→ Quan hệ đối chiếu
- ====→ Ghi cuối tháng

## 2.2 HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI XÍ NGHIỆP ĐỊA CHẤT ĐÔNG TRIỀU

### 2.2.1 Các loại nguyên vật liệu thường dùng và cách phân loại tại Xí nghiệp

#### 2.2.1.1 Các loại nguyên vật liệu

Khác với những ngành công nghiệp khác, vật liệu dùng cho ngành địa chất là một trong những yếu tố chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Vì vậy công tác hạch toán và quản lý đầu vào, đầu ra của nguyên vật liệu tại Xí nghiệp địa chất Đông Triều được lãnh đạo và các phòng ban liên quan rất quan tâm và theo dõi chặt chẽ.



Đặc thù của Xí nghiệp địa chất là thăm dò, vì vậy vật liệu chủ yếu là mũi khoan, vật liệu nổ, hóa chất, xi măng... những vật liệu này được phân loại theo từng đơn vị sử dụng từ vật liệu chính đến các phụ tùng thay thế.

### *2.2.1.2 Phân loại nguyên vật liệu tại Xí nghiệp*

Do Xí nghiệp là đơn vị hạch toán phụ thuộc do đó việc phân loại nguyên vật liệu là do Công ty Địa chất mở căn cứ vào tình hình sản xuất để phân loại cho phù hợp còn tại các Xí nghiệp áp dụng theo quy chế của Công ty. Nguyên vật liệu tại Xí nghiệp được phân loại như sau:

152.1: Vật liệu bao gồm mũi khoan, văn phòng phẩm, vật liệu nổ

152.2: Nhiên liệu chủ yếu là xăng dầu

152.3: Bảo hộ lao động

152.5: Phế liệu thu hồi

Việc phân loại nguyên vật liệu tại Xí nghiệp có đôi phần khác biệt so với lý thuyết.

### *2.2.2 Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu*

#### *2.2.2.1 Trình tự nhập kho và xác định giá nhập kho nguyên vật liệu*

##### *2.2.2.1.1 Trình tự nhập kho nguyên vật liệu*

Xí nghiệp địa chất là một đơn vị hạch toán phụ thuộc vì vậy việc kế toán chi tiết nguyên vật liệu rất đơn giản, ít sổ sách.

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu nhập kho
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hóa

#### *Thủ tục nhập kho:*

Nguyên vật liệu tại Xí nghiệp được hình thành từ 2 nguồn đó là: mua ngoài và nhận từ Công ty mở. Trong đó phần lớn nguyên vật liệu tại Xí nghiệp được nhận từ Công ty mở

#### *Trường hợp: nhập kho nguyên vật liệu mua ngoài*

Căn cứ vào phiếu đề nghị mua vật tư, phòng cung ứng vật tư sẽ căn cứ

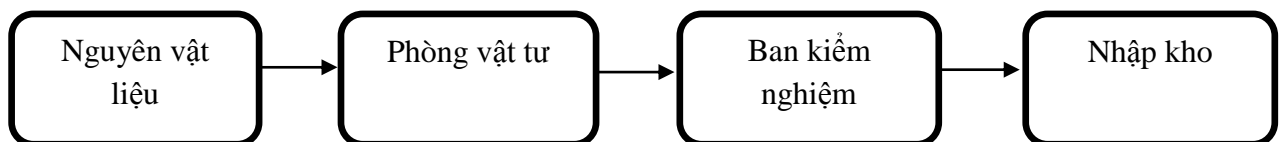
## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

vào kế hoạch và nhu cầu vật tư của từng đơn vị sản xuất sau khi được Giám đốc phê duyệt. Phòng vật tư sẽ lấy phiếu báo giá của các nhà cung cấp (ít nhất có 2 nhà cung cấp) trên cơ sở đó Xí nghiệp sẽ lập ra Hội đồng duyệt giá mua từ đó sẽ chọn ra được nhà cung cấp tốt nhất mà giá cả hợp lý và lập ra Biên bản duyệt giá mua vật tư. Sau đó phòng vật tư sẽ tổ chức cho cán bộ đi thu mua hoặc ký hợp đồng khi hàng mua về đến kho của Xí nghiệp sẽ được kiểm tra căn cứ vào hóa đơn GTGT đối chiếu với hợp đồng ký kết về số lượng, chủng loại, chất lượng từng loại vật tư để lập ban kiểm nghiệm vật tư, hàng hóa. Sau khi được sự đồng ý của ban kiểm nghiệm vật tư thì cán bộ phòng cung ứng sẽ căn cứ vào hóa đơn và số lượng nguyên vật liệu thực nhập để viết Phiếu nhập kho và thủ kho sẽ nhập nguyên vật liệu vào kho. Phiếu nhập kho được lập làm 3 liên với đầy đủ chữ ký của thủ kho, người giao hàng, bộ phận cung ứng. Một liên giao cho thủ kho ghi vào thẻ kho, sau đó chuyển về phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ kế toán. Một liên lưu ở phòng vật tư.

Một liên gửi kèm hóa đơn cho kế toán thanh toán với người bán.

Trình tự nguyên vật liệu nhập kho như sau:



**Ví dụ:** Căn cứ vào Đề nghị mua vật tư, ngày 10/12/2010 Xí nghiệp tiến hành mua và nhập kho vật tư

- Phòng KTSX-AT lập phiếu Đề nghị mua vật tư gửi cho phòng cung ứng vật tư sau khi đã được Giám đốc ký duyệt (Biểu 1.1)
- Phòng vật tư căn cứ vào Đề nghị mua vật tư để lấy phiếu báo giá của 2 công ty trở lên (Biểu 1.2)
- Tiến hành mua và lập Hóa đơn GTGT( Biểu 1.3)
- Ban kiểm nghiệm vật tư tiến hành kiểm tra và lập Biên bản kiểm nghiệm vật tư(Biểu 1.4)
- Cán bộ phòng cung ứng viết phiếu nhập kho căn cứ vào hóa đơn và số lượng thực nhập(Biểu 1.5)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 1.1

XN địa chất ĐÔNG TRIỀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----\*\*\*-----

Tổ, đội, phòng ban: KTSX-AT

## ĐỀ NGHỊ MUA VẬT TƯ

Căn cứ vào nhu cầu công việc: An toàn (tháng 12 quý IV năm 2010)

Khối lượng công việc: Biểu bảng an toàn TK 13 (định mức)

Chủng loại và số lượng vật tư cần mua:

TT	Vật tư, hàng hóa	ĐVT	Danh điểm, thông số, kỹ thuật, số chế tạo	Số lượng			Ghi chú
				Đề nghị mua	Hiện có ở kho	Cần mua	
1	Nội quy + biểu bảng an toàn	Cái	1m x 0.80	3	0	3	
2	Khẩu hiệu an toàn	Cái	8m x 0.70	1	0	1	
3							
4							
5							

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Giám đốc duyệt

TP phụ trách

TP vật tư

Thủ kho

Bộ phận đề nghị

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 1.2

CT ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

*Toàn Thắng*

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

E-mail: [dongtoanbs@vnn.vn](mailto:dongtoanbs@vnn.vn)

Uông Bí, ngày 06 tháng 12 năm 2010

## BẢN BÁO GIÁ

**Kính gửi :** Xí nghiệp Địa chất Đông Triều

Tên tôi là : Đồng Xuân Toàn - Cơ sở quảng cáo thiết kế mỹ thuật.

Địa chỉ : Số nhà 209 Quang Trung - Uông Bí - Quảng Ninh.

Tài khoản số : 101010000315244 tại Ngân hàng Công Thương Uông Bí.

Chúng tôi trân trọng kính gửi tới Quý khách bảng báo giá.

TT	Nội dung, quy cách phẩm chất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Khẩu hiệu an toàn . Dài 8m x 0.7m	Cái	01	720.000	720.000
2	Bảng nội quy khoan máy và phòng chống cháy nổ	Cái	03	400.000	1.200.000
	<b>Cộng</b>				<b>1.920.000</b>

*Bằng chữ : Một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*

Giá trên chưa bao gồm cả thuế VAT

Người lập báo giá

**BÁO GIÁ HÀNG HÓA**

Đơn vị bán: **ĐOÀN THỊ LỢI**

Địa chỉ: Vĩnh Tuy I - Mạo Khê - Đông Triều - Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700471959

*Kính gửi:* Xí nghiệp địa chất Đông Triều

Địa chỉ: Yên Thọ - Đông Triều - Quảng Ninh

TT	Mặt hàng	Nước SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Khẩu hiệu an toàn dài 8m x 0,7 m	VN	Cái	1	735.000	735.000
2	Bảng nội quy khoan máy và phòng chống cháy nổ	VN	Cái	3	410.000	1.230.000
	<b>Cộng tiền</b>					<b>1.965.000</b>

Số tiền (bằng chữ) : Một triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn đồng chẵn./.

Đơn giá trên chưa có thuế VAT

*Ngày 06 tháng 12 năm 2010*

Đơn vị bán hàng

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 1.3

### HÓA ĐƠN

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

BD/ 2010B

Liên 2: Giao khách hàng

0084501

*Ngày 10 tháng 12 năm 2010*

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH đầu tư và phát triển công nghệ Toàn Thắng

Địa chỉ: tổ 13 khu 8 - phường Bắc Sơn - Ưông Bí - Quảng Ninh

Điện thoại: 033.664.434

MS 5700705269

Họ tên người mua hàng: Dương Công Cảnh

Tên đơn vị: Xí nghiệp Địa chất Đông Triều

Địa chỉ: Yên Thọ - Đông Triều - Quảng Ninh

Số tài khoản

Hình thức thanh toán: chưa thanh toán

MS: 5700100256018

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Khẩu hiệu an toàn. Dài 8m x 0.7m	Cái	01	720.000	720.000
2	Bảng nội quy khoan máy và phòng chống cháy nổ	Cái	03	400.000	1.200.000
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>1.920.000 đ</b>
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		192.000 đ	
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.112.000 đ
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai triệu một trăm mười hai nghìn đồng</i>					

**Người mua hàng**

(Ký, họ tên)

**Người bán hàng**

(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, họ tên)

**Biểu 1.4**

Xí nghiệp địa chất Đông Triều

Mẫu số 03-VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

**BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM**

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Số 05

-Theo quyết định số 16/QĐ ngày 10 tháng 12 năm 2010

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0084501 ngày 10 tháng 12 năm 2010

Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông Nguyễn Đức Mạnh

Trưởng ban

+ Ông Trịnh Đoạt Châm

Ủy viên

+ Bà Lê Thị Hoa

Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

TT	Vật tư, Công cụ hàng hóa được kiểm nghiệm			Phương thức kiểm nghiệm	ĐVT	Số lượng đúng quy cách phẩm chất	Ghi chú
	Tên vật tư, hàng hóa	Nhà SX	Chất lượng				
1	Khẩu hiệu an toàn. Dài 8m x 0.7m	TQ	Mới	Đếm	cái	01	
2	Bảng nội quy khoan máy và phòng chống cháy nổ	TQ	Mới	Đếm	cái	03	

Ý kiến của tổ kiểm nghiệm : Hàng đủ tiêu chuẩn nhập kho

Đại diện kĩ thuật

Thủ kho

Trưởng ban

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 1.5

Xí nghiệp địa chất Đông Triều

Mẫu số 01-VT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

## PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Số: 26

Nợ: ...152.....

Có: ...111.....

Họ tên người giao hàng : **DƯƠNG CÔNG CẢNH**

Theo HĐGTGT số : 84501 ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Công ty TNHH đầu tư & PT Công nghệ Toàn Thắng - Tổ 13 Khu 8 - P.Bắc Sơn - Uông bí - QN.

Nhập tại kho: Ông Hội

	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, vật tư, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
1	Khẩu hiệu an toàn dài 8m x 0,7 m		Cái	1	01	720.000	720.000
2	Bảng nội quy khoan máy và phòng chống cháy nổ		Cái	3	03	400.000	400.000
	<b>Tổng cộng</b>						<b>1.920.000</b>

Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Một triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng chẵn.*

Thủ trưởng đơn vị  
(ký, họ tên)

Người lập phiếu  
(ký, họ tên)

Phụ trách cung tiêu  
(ký, họ tên)

Người giao hàng  
(ký, họ tên)

Thủ kho  
(ký, họ tên)



***Trường hợp: nhận từ Công ty Địa chất mỏ***

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất công ty giao Xí nghiệp lập kế hoạch dự trữ vật tư cả năm theo khối lượng dự kiến ban đầu theo đó trên Công ty địa chất mỏ sẽ mua nguyên vật liệu rồi điều về dân cho Xí nghiệp. Hàng tháng, hàng quý Xí nghiệp sẽ cử cán bộ đi nhận nguyên vật liệu trên Công ty, khi nguyên vật liệu về đến kho của Xí nghiệp thì căn cứ vào phiếu xuất kho mà cán bộ cầm về thủ kho sẽ tiến hành kiểm tra và lập phiếu nhập kho cho nguyên vật liệu.

**Ví dụ:** Ngày 08/12/2010 Xí nghiệp cử cán bộ đi nhận vật tư tại Công ty địa chất mỏ theo định kì

-Căn cứ vào Phiếu xuất kho của Công ty , thủ kho của Xí nghiệp tiến hành kiểm tra và lập phiếu nhập kho( Biểu 1.5)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu số: 02 -VT

Công ty địa chất mỏ

Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

## PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 08 tháng 12 năm 2010

Số CT: 12

TK ghi nợ: 336

TK ghi có: 152

Họ tên người nhận hàng: Hoàng Minh Hồng

Diễn giải: Xuất hàng theo kế hoạch

Xuất tại kho: Kho công ty

TT	Tên vật tư( hàng hoá)	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Xi măng Đại Yên		Tấn	16	810.000	12.960.000	
	<b>Cộng</b>					12.960.000	

Xuất ngày 08 tháng 12 năm 2010

**Số tiền bằng chữ:** Mười hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn

Phụ trách phòng      Phụ trách cung tiêu      Người giao hàng      Người lập      Thủ kho  
(ký, họ tên)      (ký, họ tên)      (ký, họ tên)      (ký, họ tên)      (ký, họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 1.5

Xí nghiệp địa chất Đông Triều

Mẫu số 01-VT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

## Phiếu nhập kho

Ngày 08 tháng 12 năm 2010

Số: 19

Nợ: TK 152

Có: TK 336

Họ tên người giao hàng: Công ty Địa chất Mỏ

Theo PXX số 56 ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Hàng Công ty điều

Nhập tại kho: Ông Hội

tt	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, vật tư, dụng cụ, sản phẩm hàng hoá	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
1	Xi măng Đại Yên + CP vận chuyển	VN	Tấn	16	16	810.000	12.960000
	<b>Tổng cộng</b>						<b>12.960.000</b>

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười hai triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./.

Ngày 08 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị  
(ký, họ tên)

Người lập phiếu  
(ký, họ tên)

Phụ trách cung tiêu  
(ký, họ tên)

Người giao hàng  
(ký, họ tên)

Thủ kho  
(ký, họ tên)

2.2.2.1.2.Xác định giá nhập kho

**Đối với nguyên vật liệu do Công ty cấp:**

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế NVL} & & \text{Giá trên Phiếu xuất} & & \text{Các chi phí thu mua} \\ \text{nhập kho} & = & \text{kho của Công ty} & + & \text{thực tế} \end{array}$$

Trong đó:

Giá trên Phiếu xuất kho của Công ty: là giá xuất trên Công ty, giá này tùy thuộc vào cách tính giá xuất của Công ty.

Chi phí thu mua thực tế gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ...

**Ví dụ:** Ngày 12/12/2010, Công ty cấp cho Xí nghiệp xi măng, giá ghi trên phiếu xuất kho là 12.000.000 đồng. Chi phí vận chuyển là 960.000 đồng

Giá nhập kho tại Xí nghiệp là giá trên phiếu xuất kho của Công ty cộng với chi phí vận chuyển.

Giá nhập kho là: 12.000.000+ 960.000= 12.960.000( đồng)

**Đối với nguyên vật liệu Xí nghiệp mua ngoài :**

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá mua ghi} & & \text{Các khoản giảm} \\ \text{NVL nhập} & = & \text{trên hóa đơn} & + & \text{giá, CKTM, hàng} \\ \text{kho} & & \text{của người bán} & + & \text{mua bị trả lại} \\ & & & & \text{Chi phí thu} \\ & & & & \text{mua thực tế} \end{array}$$

Trong đó:

Giá ghi trên hóa đơn của người bán: là giá chưa có thuế .

Chi phí thu mua thực tế gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ... Đối với chi phí vận chuyển thì nếu chi phí vận chuyển là do Xí nghiệp chịu và Xí nghiệp phải thuê xe thì chi phí này sẽ được cộng vào giá trị thực tế của nguyên vật liệu, còn nếu vận chuyển là do xe của Xí nghiệp thì do phục vụ cho toàn Xí nghiệp nên chi phí này sẽ được hạch toán vào chi phí sản xuất chung.

**Ví dụ:** Căn cứ vào hóa đơn 79492 ngày 02/12/2010, Xí nghiệp mua thiết bị lọc gió, lọc dầu của Công ty TNHH An Thanh với giá trên hóa đơn GTGT là 885.000 đồng ( chưa có VAT ), thuế GTGT 10% là 88.500 đồng.

Giá nhập kho là giá trên hóa đơn GTGT không có thuế GTGT là : 885.000 đồng

### ***2.2.2.2. Trình tự xuất kho và xác định giá xuất kho nguyên vật liệu***

#### ***2.2.2.2.1 Xác định giá xuất kho***

Xí nghiệp áp dụng phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Theo phương pháp này, giá thực tế hàng xuất kho sẽ là giá của hàng nhập kho trước. Phương pháp này được áp dụng trong suốt niên độ kế toán.

**Ví dụ** : Ngày 05/12/2010 xuất kho 2 lưỡi khoan kim cương (/) 112 phục vụ lỗ khoan 39.

- Tồn đầu kì : 10.150.000 đồng (7 cái x 1.450.000 đồng)
- Nhập trong kì: 0
- Giá xuất kho : 2.900.000 đồng (2 cái x 1.450.000 đồng)

#### ***2.2.2.2.2 Trình tự xuất kho nguyên vật liệu***

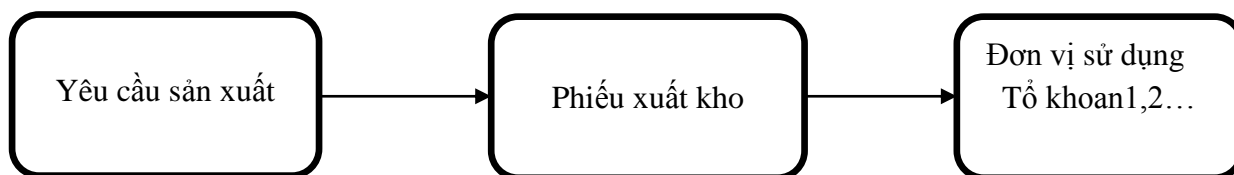
***Chứng từ sử dụng:***

- Phiếu đề nghị lĩnh vật tư
- Phiếu xuất kho

***Thủ tục xuất kho***

Xí nghiệp Địa chất Đông Triều là doanh nghiệp chuyên về khoan thăm dò. Vì vậy vật liệu được xuất dùng cho công trường sản xuất là chính, vật liệu phần lớn để phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm theo kế hoạch đã được duyệt. Căn cứ vào nhu cầu sản xuất của các bộ phận sử dụng vật tư viết phiếu lĩnh vật tư, các phòng chức năng chuyên quản lý duyệt rồi được chuyển qua Phó giám đốc phụ trách sản xuất duyệt. Sau đó chuyển sang phòng kế toán, kế toán vật tư kiểm tra lại xem phiếu xuất có sai sót gì không, nếu không kế toán tiến hành tính định mức cho phiếu xuất đó và lập phiếu xuất kho cho riêng từng loại vật liệu để tiện cho việc theo dõi hạch toán dễ dàng. Phiếu xuất kho được lập làm 3 liên, liên 1: lưu, liên 2: giao cho thủ kho ghi vào thẻ kho, định kỳ từ 3- 5 ngày thủ kho chuyển cho kế toán vật tư để tính giá hoàn chỉnh phiếu xuất lấy số liệu ghi sổ kế toán, liên 3: giao cho người nhận vật tư chuyển về bộ phận sử dụng.

Sơ đồ biểu diễn trình tự xuất kho vật liệu:



**Ví dụ:** Ngày 07/12/2010 căn cứ vào Phiếu đề nghị lĩnh vật tư , kế toán tiến hành lập Phiếu xuất kho

- Bộ phận sử dụng tiến hành viết Phiếu lĩnh vật tư rồi gửi phòng cung ứng vật tư , PGĐ sản xuất duyệt rồi chuyển sang phòng kế toán để kế toán vật tư kiểm tra (Biểu 2.1)
- Kế toán vật tư tiến hành lập Phiếu xuất kho (Biểu 2.2)

### **Biểu 2.1**

Xí nghiệp địa chất Đông Triều

## **Phiếu đề nghị lĩnh vật tư**

Tên tôi là : Nguyễn Hữu Thăng Bộ phận: Tổ khoan 7

Căn cứ vào kế hoạch cấp vật tư tháng 12 Năm 2010

Kính trình Ban lãnh đạo duyệt cấp nguyên vật liệu để phục vụ LK 39 ngã II

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ ,sản phẩm hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	LK kim cương (/) 112	Cái	03	
2	Cup pen 350/50	cái	10	

Ngày 7 tháng 12 năm 2010

Người đề nghị

Trưởng phòng vật tư

PGĐ sản xuất

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.2

Mẫu số: 02 -VT

Xí nghiệp địa chất Đông Triều

( Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## Phiếu xuất kho

Ngày 7 tháng 12 năm 2010

Số: 60

Nợ: 621.....

Có: 1521.....

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Hữu Thăng Địa chỉ (Bộ phận) Tổ khoan 7

Lý do xuất kho : Phục vụ LK 39 ngã II

Xuất tại kho : Ông Hội

TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, vật tư, dụng cụ, sản phẩm hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	LK kim cương (/) 112		cái	3	3	1.450.000	4.350.000
2	Cup pen 350/50		cái	10	10	15.000	150.000
<b>Tổng cộng</b>							<b>4.500.000</b>

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bốn triệu năm trăm nghìn đồng chẵn ./.

Số chứng từ kèm theo: 0

Thủ trưởng đơn vị    Người lập phiếu    Phụ trách cung tiêu    Người nhận hàng    Thủ kho  
(Ký, họ tên)        (Ký, họ tên)            (Ký, họ tên)            (Ký, họ tên)        (ký, họ tên)

**2.2.2.3 Kế toán chi tiết nhập và xuất kho nguyên vật liệu**

Xí nghiệp áp dụng phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song .

Ở kho: thủ kho dựa vào phiếu nhập, phiếu xuất và các chứng từ khác để mở thẻ kho và ghi theo số lượng. Mỗi loại nguyên vật liệu được theo dõi ở một thẻ kho riêng để tiện trong việc ghi chép, kiểm tra. Khi nhận các chứng từ nhập xuất vật liệu thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhập, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho, cuối ngày tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Định kỳ từ 3-5 ngày thủ kho gửi các chứng từ nhập, xuất đã được phân loại theo từng thứ vật liệu cho phòng kế toán kiểm tra, kế toán ký xác nhận vào thẻ kho.

**Biểu 2.3**

Xí nghiệp địa chất Đông Triều

**THẺ KHO**

Ngày lập thẻ: 01/12/2010

Tờ số: 25

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Lưỡi khoan kim cương (/) 112

Đơn vị tính: Cái

ST T	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Số hiệu	Ngày tháng			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	1	2	3	4
1			Tồn đầu tháng				7	
2	56	6/12	Xuất phục vụ phương án			2	5	
3	60	7/12	Xuất phục vụ các phương án			3	2	
4	86	20/12	Xuất phục vụ các phương án			2	0	
			Tồn cuối tháng 12/2010				0	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc



Ở phòng kế toán: định kỳ thủ kho chuyển chứng từ lên phòng kế toán. Sau khi nhận được chứng từ, kế toán ghi đơn giá để xác định số tiền. Kế toán vật tư sẽ kiểm tra chứng từ rồi căn cứ vào đó để ghi số (thê) chi tiết vật tư theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị. Sau các nghiệp vụ xuất, nhập kế toán phải xác định chỉ tiêu tồn.

Sổ chi tiết vật tư dùng làm căn cứ để lập bảng tổng hợp nhập, xuất tồn vật tư. Bảng này lập cho từng tháng, mở chi tiết cho từng loại vật tư trong kho của Xí nghiệp. Đây cũng là căn cứ để đối chiếu giữa kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp.

Chỉ tiêu “nhập”:

Số lượng được lấy từ các chứng từ nhập

Đơn giá nhập là đơn giá trên hóa đơn người bán

Chỉ tiêu “xuất”: số lượng và đơn giá lấy từ phiếu xuất

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Số lượng vật liệu} & & \text{Số lượng tồn đầu} & & \text{Số lượng vật liệu} & & \text{Số lượng vật} \\ \text{tồn cuối tháng} & = & \text{tháng} & + & \text{nhập trong tháng} & - & \text{liệu xuất trong} \\ & & & & & & \text{tháng} \end{array}$$

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

### Biểu 2.4

Xí nghiệp địa chất Đông triều

#### Sổ chi tiết nguyên vật liệu

Tồn vật liệu: Lưỡi khoan kim cương (/)112

Tháng 12 năm 2010

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
	Nhập	Xuất			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
			Số dư đầu tháng	1.450.000					7	10.150.000	
6/12/2010		56	Thăng - phục vụ lỗ khoan 39	1.450.000			2	2.900.000			
7/12/2010		60	Thăng - phục vụ lỗ khoan 39	1.450.000			3	4.350.000			
20/12/2010		86	Thăng - phục vụ lỗ khoan 39	1.450.000			2	2.900.000			
			<b>Tổng cộng</b>				<b>7</b>	<b>10.150.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu 2.5

Xí nghiệp địa chất Đông Triều

#### BẢNG TỔNG HỢP XUẤT NHẬP TỒN KHO NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12/2010

Tài khoản: 152- Nguyên liệu, nhiên liệu

TT	Tên vật tư	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
1	Vật liệu nổ	đ		1.732.982		1.578.224.500		1.346.820.800		343.136.682
	Thuốc nổ	Kg	3.520	58.185.600	6.215	100.993.750	8.720	144.054.400	925	15.124.950
...	...	...								
2	Lưỡi khoan kim cương	Cái	35	48.500.000	80	104.000.000	95	123.000.000	20	29.000.000
	Lưỡi khoan kim cương (/)112	Cái	7	10.150.000			7	10.150.000	0	0
...	...	...								
3	Cáp thép	M	750	4.500.000	4.482	95.470.000	3.728	79.409.238	1.504	20.560.772
4	Bình ắc quy	Cái	1	1.500.000	10	22.461.000	11	23.961.000	0	0
...	...			....		.....		.....		.....
	<b>Tổng cộng</b>			<b>2.237.202.200</b>		<b>1.930.158.869</b>		<b>1.537.716.560</b>		<b>2.629.644.509</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 2.2.2.4 Kế toán tổng hợp tại Xí nghiệp

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập xuất nguyên vật liệu thông qua các tài khoản kế toán.

Để phục vụ cho công tác kế toán tổng hợp nhập xuất nguyên vật liệu, Xí nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ để ghi chép các nghiệp vụ trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho.

*Tài khoản sử dụng:*

- TK 152( nguyên vật liệu): dùng để phản ánh giá trị nguyên vật liệu nhập, xuất, tồn

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các loại tài khoản khác có liên quan đến việc nhập, xuất nguyên vật liệu như: TK 111, TK 112, TK331,TK133,TK621, TK 627....

*Sổ sách sử dụng:*

- Nhật kí chứng từ số 1
- Nhật kí chứng từ số 2
- Nhật kí chứng từ số 5
- Nhật kí chứng từ số 10
- Nhật kí chứng từ số 7
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu
- Bảng kê số 3...

#### 2.2.2.4.1 Kế toán tổng hợp mua nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu của Xí nghiệp nhập kho từ hai nguồn chính là Công ty cấp và mua ngoài, trong đó phần lớn là do Công ty cấp. Đối với nguyên vật liệu mua ngoài Xí nghiệp thường thanh toán ngay nhưng trong một số trường hợp cần gấp nguyên vật liệu thì Xí nghiệp sẽ mua chịu.

Quy trình hạch toán nguyên vật liệu sẽ diễn ra như sau:

**Đối với nguyên vật liệu mua ngoài** : vật liệu của Xí nghiệp được mua hầu hết trong nước .Khi có nhu cầu mua nguyên vật liệu phòng cung ứng vật tư tiến hành thu mua để đảm bảo sản xuất. Căn cứ vào các chứng từ như phiếu nhập

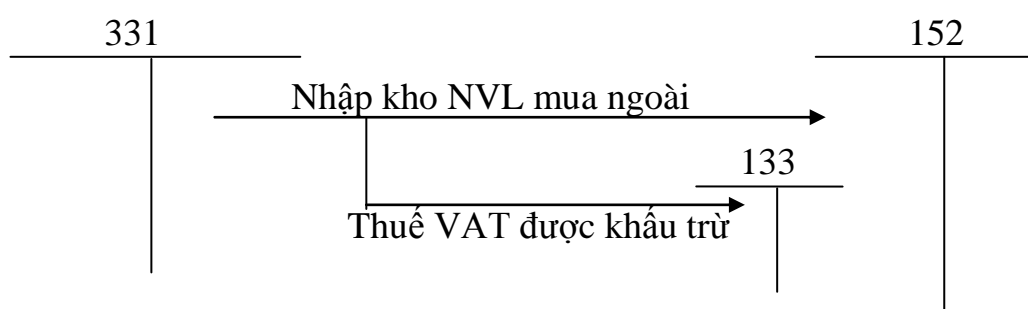
## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

kho, hóa đơn GTGT và các chứng từ khác liên quan thì kế toán sẽ ghi vào các Bảng kê, Nhật kí chứng từ và các sổ chi tiết tùy hình thức thanh toán sau đó vào Sổ cái TK152. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu thường liên quan với hạch toán thanh toán. Tùy theo hình thức thanh toán mà hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu được thực hiện theo các cách khác nhau.

### ❖ Trường hợp mua chưa thanh toán

Căn cứ vào phiếu đề nghị lĩnh vật tư, phòng vật tư căn cứ vào kế hoạch và nhu cầu vật tư của từng đơn vị sản xuất sau khi được giám đốc phê duyệt, sẽ tiến hành mua vật tư theo yêu cầu.

Mô hình hạch toán nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu nhưng chưa thanh toán:



Khi mua nguyên vật liệu chưa thanh toán cho người bán thì kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho để ghi vào các sổ có liên quan theo định khoản:

Nợ TK152: giá thực tế vật liệu nhập kho

Nợ TK133: Thuế GTGT

Có TK331: tổng giá thanh toán

**Ví dụ:** Trong tháng 12/2010, XN mua khẩu hiệu an toàn của Công ty TNHH&PTCN Toàn Thắng theo số hóa đơn GTGT 0084501 ngày 10/12/2010, phiếu nhập kho số 49

Giá mua (chưa thuế GTGT): 1.920.000 đồng

Thuế GTGT (đầu vào) 10%: 192.000 đồng

Tổng cộng thanh toán: 2.112.000 đồng

Căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán ghi vào Sổ chi tiết thanh toán với người bán, Nhật kí chứng từ số 5

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Xí nghiệp địa chất Đông Triều

### SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN (TK 331)

Đối tượng: Công ty TNHH & PT Toàn Thắng

Tháng 12 - 2010

**ĐVT: đồng**

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			SDDK					-
	80069	05/12/2010	Công ty TNHH ĐT& PTCN	1521		1.970.000		
			Toàn Thắng	133		197.000		
	84501	10/12/2010	Công ty TNHH ĐT& PTCN	1521		1.920.000		
			Toàn Thắng	133		192.000		
	PC24	10/12/2010	Thanh toán cho người bán	1111	2.112.000			
			Cộng SPS		2.112.000	4.279.000		
			SDCK					<b>2.167.000</b>

Ngày 05 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Xí nghiệp địa chất Đông Triều

**Nhật kí chứng từ số 5**

Tài khoản 331

Tháng 12 năm 2010

Tên đơn vị bán	Số dư đầu kỳ	Ghi có TK331, ghi nợ TK				Cộng PS có, ghi nợ các TK	Ghi nợ TK331			Cộng PS nợ, ghi có các TK	Số dư cuối kỳ
		1521	....	627	133		1111	....	141		
Công ty TNHH ĐT&PT Toàn Thắng		3.890.000			389.000	4.279.000	2.112.000			2.112.000	2.167.000
Công ty vận tải Hồng Gai	189.109.334			217.386.450	21.738.645	239.125.095					428.234.429
Điện lực Quảng Ninh				9.029.655	902.966	9.932.621	9.932.621				
.....											
<b>Cộng</b>	1.893.053.384	319.243.000	....	226.416.105	87.721.075	1.246.731.466	54.847.921		22.343.000	77.190.921	3.062.630.429

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Xí nghiệp địa chất Đông Triều

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
	2.386.512.171

### SỔ CÁI TÀI KHOẢN 331

TK đối ứng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
1111	33.464.000	25.397.708	21.853.074		21.342.890	9.528.204	34.565.000	31.945.780	15.643.942	35.000.000	8.364.800	54.847.921
1121	57.932.000		21.211.691	19.000.672	13.450.000	18.435.843	9.069.679	35.900.000			40.000.000	23.343.000
338		7.456.000	900.000	34.963.960	8.170.157	5.000.000			12.000.000	7.621.070		
311							50.000.000					
...												
Cộng PS nợ	691.396.000	432.853.708	1.043.964.765	953.964.632	642.963.507	532.964.047	593.634.679	1.867.845.780	827.643.942	1.242.621.070	848.364.800	477.190.921
Tổng PS có	856.716.271	577.857.796	763.745.142	821.463.088	1.685.364.865	725.854.909	915.342.809	623.753.173	935.175.000	951.767.000	727.754.590	1.246.731.466
Dư nợ cuối												
Dư có cuối	2.551.832.442	2.696.836.530	2.416.616.907	2.284.115.363	3.326.516.721	3.519.407.583	3.841.115.713	2.597.023.106	2.704.554.164	2.413.700.094	2.293.089.884	3.062.630.429

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán tổng hợp

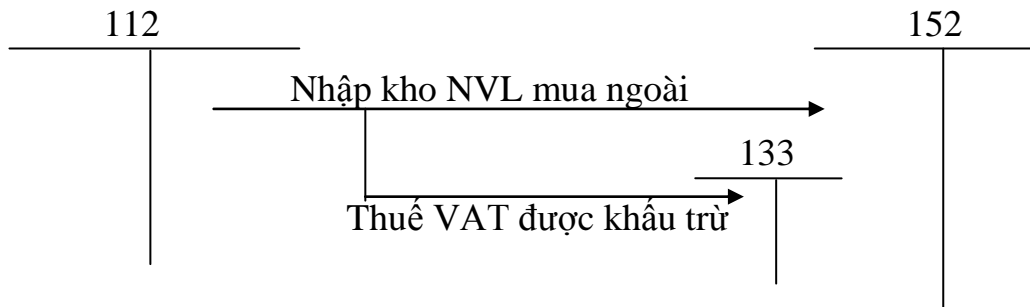
Kế toán trưởng



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### ❖ Trường hợp thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, giấy báo nợ kế toán hạch toán theo mô hình sau:



**Ví dụ:** Ngày 14/12/2010 theo hóa đơn GTGT số 9630 và phiếu nhập kho số 72 ngày 18/12/2010 Xí nghiệp đã nhập một số vật tư phục vụ sản xuất theo hình thức chuyển khoản. Kế toán tiến hành ghi vào tất cả các sổ sách có liên quan

Xí nghiệp địa chất Đông Triều

### NHẬT KÍ CHỨNG TỪ SỐ 2

Tài khoản 112- Tiền gửi ngân hàng

Tháng 12 năm 2010

STT	Ngày	Nợ 152	Nợ 133	...	Cộng có
	....				
8	18/12	13.935.000	696.750		14.631.750
9	22/12	9.352.000	935.200		84.953.246
	Cộng	23.287.000	5.646.784		1.825.756.432

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Xi nghiệp địa chất Đông Triều

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
1.869.754.743	

### SỔ CÁI TÀI KHOẢN 112

Năm 2010

TK đối ứng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
1111			500.000.000	1.000.000.000		376.780.000		320.000.000	230.000.000	1.200.000.000		690.900.000
131	85.853.374	430.474.876	444.000.000	194.275.686	956.787.890	490.008.864	455.455.000	12.654.123	423.700.560	305.354.754	565.830.900	25.454.235
336		523.000.000	890.000.000		500.000.000		121.421.546	400.000.000				
1388					317.465.263	98.676.890			1.053.794	170.000.000		230.000.000
3388								200.000.000			301.635.454	
Cộng PS nợ	85.853.374	953.474.876	1.834.000.000	1.194.275.686	1.774.253.153	965.465.754	576.876.546	932.654.123	654.754.354	1.675.354.754	867.466.354	946.354.235
Tổng PS có	1.252.755.708	1.635.367.854	1.775.852.458	1.175.537.953	863.354.765	978.464.357	875.453.753	764.365.876	465.754.454	549.974.100	647.432.675	1.825.756.432
Dư nợ cuối	702.852.409	20.959.431	79.106.973	97.844.706	1.008.743.094	995.744.491	697.167.284	865.455.531	1.054.455.431	754.456.618	1.879.837.272	1.000.435.075
Dư có cuối												

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán tổng hợp

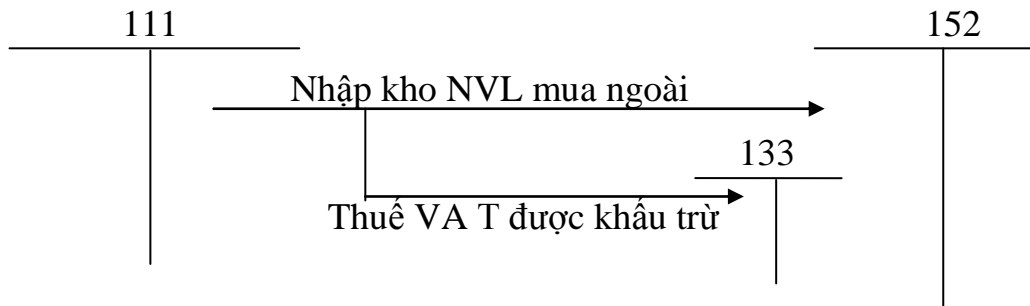
Kế toán trưởng

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### ❖ Trường hợp thanh toán bằng tiền mặt

Hình thức này áp dụng cho mua các vật dụng sử dụng thường xuyên như văn phòng phẩm.. những vật dụng có giá trị thấp.

Trường hợp mua nguyên vật liệu trả bằng tiền mặt. căn cứ vào hóa đơn GTGT và phiếu nhập kho kế toán hạch toán theo mô hình sau:



**Ví dụ:** Theo hóa đơn GTGT số 42432 ngày 11/12/2010 và phiếu nhập kho số 52. Xí nghiệp đã nhập kho một số vật tư phục vụ sản xuất. Xí nghiệp đã thanh toán ngay bằng tiền mặt. Kế toán đã định khoản và ghi vào các sổ sách có liên quan:

Nợ TK1521:      9.517.000

Nợ TK133:        951.700

Có TK 1111:10.468.700

Xí nghiệp địa chất Đông Triều

### NHẬT KÍ CHỨNG TỪ SỐ 1

Tài khoản 111- Tiền mặt

Tháng 12 năm 2010

STT	Ngày	Nợ 152	Nợ 133	...	Cộng có
	....				
18	11/12	9.517.000	915.700		173.321.335
19	12/12	2.154.000	215.400		159.475.342
20	23/12	755.000	75.500		34.079.000
	.....				
	Cộng	68.465.758	17.535.365		3.196.445.461

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Xi nghiệp địa chất Đông Triều

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
9.433.031	

### SỔ CÁI TÀI KHOẢN 111

Năm 2010

TK đối ứng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
1121	200.000.000	300.000.000	1.330.000.000		1.230.000.000			1.180.000.000	1.354.786.000	1.750.000.000	1.200.000.000	900.000.000
131		225.235.638	196.950.000	100.000.000	244.415.000	1.770.000.000		975.465.890		986.743.000		432.900.000
336	3.880.000.000			1.055.000.000			1.445.000.000		43.755.000		780.000.000	
141	2.787.000		10.000.000			86.853.000				10.000.000		
138		4.550.598		500.000			5.545.000				5.980.000	
...												
Cộng PS nợ	4.488.460.569	709.894.236	1.582.989.992	1.225.762.000	1.585.415.945	1.853.753.582	2.529.741.500	3.166.274.375	2.529.741.000	3.166.274.375	2.033.556.000	1.555.207.180
Tổng PS có	3.276.826.025	684.321.917	2.811.283.438	691.457.024	1.496.418.663	2.475.822.033	1.901.591.654	3.319.832.328	3.016.779.119	2.464.740.466	2.072.370.835	3.196.445.461
Dư nợ cuối	1.221.067.557	1.246.639.876	18.346.430	552.651.406	641.648.688	19.580.237	647.730.083	494.172.130	7.134.011	708.667.920	669.853.085	7.851322
Dư có cuối												

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán tổng hợp

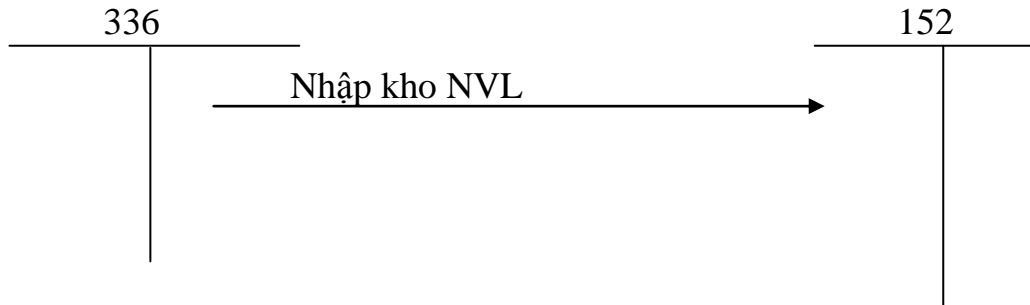
Kế toán trưởng

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

**Đối với nguyên vật liệu do Công ty cấp:** vật liệu của Xí nghiệp do Công ty cấp theo khối lượng công việc mà Công ty bàn giao cho Xí nghiệp . Hàng tháng Xí nghiệp sẽ cử nhân viên đi nhận vật tư theo hạn mức mà Công ty giao. Kế toán sẽ căn cứ vào phiếu nhập kho và các chứng từ khác để ghi vào các sổ sách có liên quan.

Mô hình hạch toán như sau:



**Ví dụ:** Ngày 02/12/2010 căn cứ vào phiếu nhập kho số 12 . kế toán tiến hành định khoản và vào các sổ kế toán có liên quan:

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

XÍ NGHIỆP ĐỊA CHẤT ĐÔNG TRIỀU

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10**  
**GHI CÓ TK 336 - PHẢI TRẢ NỘI BỘ**  
**THÁNG 12 NĂM 2010**

TT	Diễn giải	Dư đầu kỳ	Ghi Có TK 336. Nợ các TK khác					Cộng
			138	112	152.1	152.2	153	
1	Cấp vật tư khoan						657.360.000	657.360.000
2	Cấp xi măng				12.960.000			12.960.000
3	Cấp bột ben tonit				13.600.000			13.600.000
4	Cấp vật tư khoan				86.301.027			86.301.027
5	Cấp vật tư khoan						657.360.000	657.360.000
6	Cấp vật tư khoan				410.004.000			410.004.000
	....							
	<b>Tổng cộng</b>	<b>21.694.455.326</b>	<b>3.989.239</b>	<b>1.703.101.212</b>	<b>938.918.793</b>	<b>58.645.790</b>	<b>1.731.220.000</b>	<b>4.435.875.034</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Xí nghiệp địa chất Đông Triều

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
	391.708.522

### SỔ CÁI TÀI KHOẢN 336

Năm 2010

TK đối ứng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
1111	980.000.000			1.400.000.000		120.000.000				1.100.000.000		1.300.000.000
1121			500.000.000		2.100.000.000			1.200.000.000				
Cộng PS nợ	980.000.000		500.000.000	1.400.000.000	2.100.000.000	120.000.000		1.200.000.000		1.100.000.000		1.300.000.000
Tổng PS có	3.880.000.000	523.000.000	890.000.000	1.055.000.000	500.000.000	86.653.000	1.566.421.546	400.000.000	43.755.000		780.000.000	
Dư nợ cuối												
Dư có cuối	3.291.708.522	3.814.708.522	4.204.708.522	3.859.708.522	2.259.708.522	2.226.361.522	3.792.783.068	2.632.783.068	2.676.538.068	1.576.538.068	2.356.538.068	1.056.538.068

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

### 2.2.2.4.2 Kế toán tổng hợp xuất kho nguyên vật liệu

Xí nghiệp là đơn vị hạch toán phụ thuộc nên không sử dụng TK641. 642. Tất cả các nghiệp vụ nhập, xuất nguyên vật liệu không dùng cho sản xuất trực tiếp mà phục vụ cho hoạt động chung của Xí nghiệp đều đưa vào chi phí sản xuất chung.

Nguyên vật liệu của Xí nghiệp chủ yếu được xuất dùng cho sản xuất và khai thác quản lý phục vụ quá trình sản xuất. Do đó một trong những yêu cầu quan trọng của kế toán vật tư là phải tính toán kịp thời và phân bổ chính xác đối tượng sử dụng theo giá thực tế vật liệu xuất dùng.

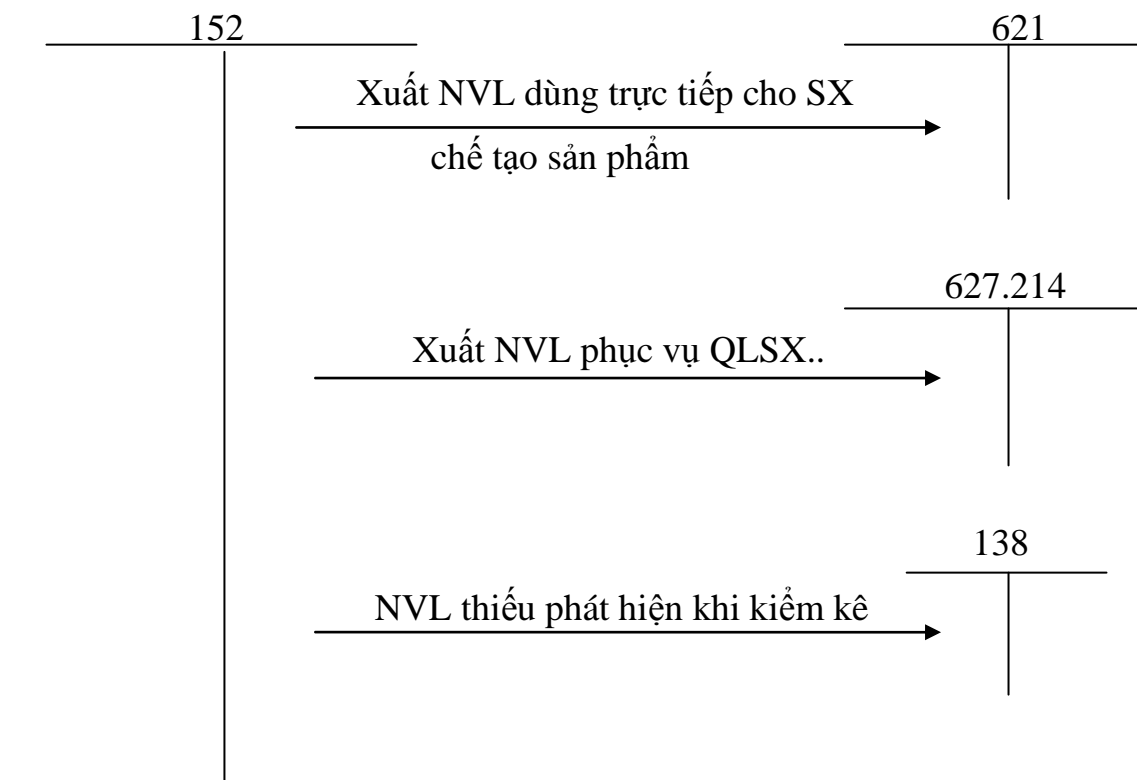
Để làm được công tác này kế toán sử dụng Bảng kê số 3 “Bảng tính giá thực tế vật liệu, công cụ dụng cụ” và Bảng phân bổ số 2 “Bảng phân bổ vật liệu, công cụ, dụng cụ”. Khi xuất nguyên vật liệu kế toán mở chi tiết cho từng tổ, đội, phòng hành chính... Căn cứ vào mục đích sử dụng nguyên vật liệu kế toán sẽ hạch toán vào các tài khoản cho phù hợp.

Kết hợp Bảng phân bổ nguyên vật liệu với Nhật ký chứng từ số 1.2.5.10 kế toán lập bảng kê số 3. Từ Bảng phân bổ nguyên vật liệu kế toán ghi vào Bảng kê số 4.

Căn cứ vào Bảng phân bổ nguyên vật liệu và Bảng kê số 4, kế toán mở Nhật ký chứng từ số 7. Cuối tháng căn cứ vào Nhật ký chứng từ số 1.2. 5. 7. 10 và Bảng phân bổ nguyên vật liệu kế toán ghi Sổ cái TK 152.



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



### ❖ Xuất vật tư trực tiếp cho sản xuất

Khi xuất vật liệu trực tiếp cho sản xuất, căn cứ vào lượng vật liệu xuất dùng cho từng phương án, kế toán hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp theo từng phương án căn cứ vào phiếu xuất kho, bảng phân bổ nguyên vật liệu, kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 621: giá xuất kho nguyên vật liệu

Có TK152: giá xuất kho nguyên vật liệu

**Ví dụ:** Ngày 15/12/2010 theo phiếu xuất kho số 40. Xí nghiệp xuất vật tư phục vụ cho phương án Đông Tràng Bạch. Kế toán tiến hành định khoản và ghi vào các sổ sách có liên quan:

Nợ TK 621:            22.461.000

Có TK 152 :    22.461.000

### ❖ Xuất vật tư phục vụ cho sản xuất

Tất cả những vật liệu xuất kho dùng cho để phục vụ cho sản xuất đều được đưa vào chi phí sản xuất chung. Căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán tiến hành định khoản và ghi vào các sổ sách liên quan:

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Nợ TK627 : giá nguyên vật liệu xuất kho

Có TK 152 : giá nguyên vật liệu xuất kho

**Ví dụ:** Ngày 06/12/2010 theo phiếu xuất kho số 14 Xí nghiệp xuất vật tư cho phòng kế toán. Kế toán tiến hành định khoản và ghi vào các sổ sách có liên quan:

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Bảng phân bổ nguyên vật liệu

Tháng 12 năm 2010

TT	Hạng mục công trình	152.1	152.2	152.3	Cộng 152	153	Tổng cộng	Ghi chú
I	Sản xuất địa chất TK 621 (A+B)	685.785.884	642.462.778	10.881.875	1.339.130.537	756.316.000	2.095.446.537	
A	Vốn tập trung	685.785.884	642.462.778	10.881.875	1.339.130.537	756.316.000	2.095.446.537	
1	Phương án Bảo Đài	22.026.877	75.184.904	2.470.000	99.681.781	7.500.000	107.181.781	
2	Phương án Nam Mẫu	19.748.685	47.533.649	208.355	67.490.689	10.000.000	77.490.689	
3	Phương án Ngã Hai	365.449.144	331.542.918	5.334.905	702.326.967	705.735.000	1.408.061.967	
	Lỗ khoan 39 - Thăng	35.045.260	18.555.6 91	2.083.550	55.684.501	13.725.000	69.409.501	
	- Lưỡi khoan kim cương 112	10.150.000						
	...	...	...	...	...	...	...	
4	Phương án Hà Ráng	96.528.648	71.226.452	2.868.615	170.623.715	9.231.000	179.854.715	
5	Phương án Đông Trảng bạch	182.032.530	116.974.855	-	299.007.385	23.850.000	322.857.385	
II	TĐT máy bơm bùn A41	68.007.815	688.358		68.696.173		68.696.173	
III	CPSXC (TK 627)	99.026.910	28.845.940	367.000	128.239.850		128.239.850	
1	Hành chính	54.175.500		317.000	54.492.500		54.492.500	
2	Vận tải	39.633.350	28.845.940	50.000	68.529.290		68.529.290	
3	Xưởng cơ khí	5.218.060			5.218.060		5.218.060	
	Tổng cộng (I+II+III)	852.820.609	671.997.076	11.248.875	1.536.066.560	756.316.000	2.292.382.560	

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Xí nghiệp địa chất Đông Triều

### BẢNG KÊ SỔ SỐ 3

#### TÍNH GIÁ THÀNH THỰC TẾ NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ (TK 152. 153)

Tháng 12 năm 2010

Chi tiêu	TK152 -Nguyên vật liệu		TK153-Công cụ, dụng cụ	
	Giá hạch toán	Giá thực tế	Giá hạch toán	Giá thực tế
I. Số dư đầu tháng	2.237.202.200	2.237.202.200	1.404.536.071	1.404.536.071
II. Số phát sinh trong tháng	1.930.158.869	1.930.158.869	1.731.220.000	1.731.220.000
Nhật kí số 1(Ghi có TK 111)	68.465758	68.465.758		
Nhật kí số 2 (Ghi có TK 112)	23.287.000	23.287.000		
Nhật ký số 5 (Ghi có TK 331)	932.594.286	932.594.286		
Nhật ký số 10(Ghi có TK 336)	997.564.583	997.564.583	1.731.220.000	1.731.220.000
Tờ kê chuyển số (Ghi có TK 154)				
III. Tổng số dư đầu tháng và phát sinh trong kỳ	4.259.113.827	4.259.113.827	3.135.756.071	3.135.756.071
IV. Xuất dùng trong kỳ	1.536.066.560	1.536.066.560	756.316.000	756.316.000
V. Xuất XN ĐT - TĐ Cẩm Phả (TK 138)	1.650.000	1.650.000		
Tồn kho cuối kỳ (III-IV-V)	2.721.397.267	2.721.397.267	2.379.440.071	2.379.440.071

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán vật tư

Kê toán trưởng

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Xí nghiệp địa chất Đông Triều

Bảng kê số 4

Tháng 12 năm 2010

TT	Tài khoản	152.1	152.2	...	621	622	627	NKCT số 1	NKCT số 2	NKCT số 5	NKCT #	Tổng
I	TK154				2.095.446.537	672.859.079	1.237.130.656					4.005.436.272
A	Vốn tập trung				2.095.446.537	672.859.079	1.237.130.656					4.005.436.272
1	PA Bảo Đài				107.181.781	38.366.061	59.534.033					205.081.875
2	PA Nam Mẫu				77.490.689	28.325.430	42.532.371					148.348.490
3	PA Hà Ráng				179.854.715	54.663.464	82.247.458					316.765.637
4	PA Ngã Hai				1.408.061.967	408.605.997	795.129.325					2.611.797.289
5	PA Đông T. Bạch				322.857.385	142.898.127	257.687.469					723.442.981
II	TK 621	696.667.759	642.462.778									2.095.446.537
A	Vốn tập trung	696.667.759	642.462.778									2.095.446.537
1	PA Bảo Đài	24.496.877	75.184.904									107.181.781
2	PA Nam Mẫu	19.957.040	47.533.649									77.490.689
3	PA Hà Ráng	99.397.263	71.226.452									179.854.715
4	PA Ngã Hai	370.784.049	331.542.918									1.408.061.967
5	PA Đông T. Bạch	182.032.530	116.974.855									322.857.385
III	TK 622											672.859.079
	.....											.....
IV	TK 627	99.393.910	28.845.940					260.090.623	9.900	226.416.105	51.385.000	1.237.130.656
A	Vốn tập trung	99.393.910	28.845.940					260.090.623	9.900	226.416.105	51.385.000	1.237.130.656
1	PA Bảo Đài	7.195.502	2.088.267					23.193.000	9.900			59.533.625
	....											....
	Tổng cộng	796.061.669	671.308.718		2.095.446.537	672.859.079	1.237.130.656	260.090.623	9.900	226.416.105	51.385.000	8.010.872.544

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Xí nghiệp địa chất Đông Triều

### NHẬT KÍ CHỨNG TỪ SỐ 7

Tháng 12 năm 2010

TT	Tên TK	152.1	152.2	152.3	334	621	622	627	NKCT số 1	NKTC số 2	NKCT số 5	.....	Tổng
I	TK154					2.095.446.537	672.859.079	1.237.130.656	-	-	-		4.005.436.272
1	Vốn tập trung					2.095.446.537	672.859.079	1.235.480.656					4.005.436.272
2	Sản xuất khác												-
II	TK 621	685.785.884	642.462.778	10.881.875									2.095.446.537
III	TK 622				672.859.079								672.859.079
IV	TK 627	99.026.910	28.845.940	367.000	570.989.178				260.090.623	9.900	226.416.105		1.237.130.656
	Cộng A	796.061.669	671.308.718		1.243.848.257	2.095.446.537	672.859.079	1.235.480.656	260.090.623	9.900	226.416.105		8.009.222.544
	138							1.650.000					1.650.000
	Cộng B							1.650.000					1.650.000
	Cộng A + B	796.061.669	671.308.718	756.316.000	1.243.848.257	2.095.446.537	672.859.079	1.237.130.656	260.090.623	9.900	226.416.105	...	8.010.872.544

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Xi nghiệp địa chất Đông Triều

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
875.650.000	

### SỔ CÁI TÀI KHOẢN 152

Có các TK Nợ TK này	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
331	86.454.000	108.912.000	381.670.000	170.574.000		369.723.000		285.565.000		421.297.000		932.594.286
336	782.186.000	831.700.000	945.935.000	1.690.655.000	2.525.575.000	1.990.505.000	2.318.206.000	2.948.384.000	2.485.307.000	2.016.294.000	2.948.358.000	997.564.583
112	91.815.000		419.935.000	929.557.000			969.693.000			857.738.000		23.287.000
111		295.175.000	706.359.000	197.780.000	627.992.000	872.560.000		1.300.927.000	1.356.188.000		248.337.000	68.465.758
Cộng PS nợ	960.455.000	1.235.787.000	2.453.899.000	2.988.566.000	3.153.567.000	3.232.788.000	3.287.899.000	4.534.876.000	3.841.495.000	3.295.329.000	3.196.695.000	2.021.911.627
Tổng PS có	1.245.787.000	1.500.340.000	2.326.677.000	2.972.576.000	2.845.194.000	3.630.180.000	3.183.294.000	3.520.408.000	3.710.503.000	3.200.495.000	2.684.349.800	1.537.716.560
Số dư nợ	590.318.000	325.765.000	452.987.000	468.977.000	777.350.000	379.958.000	484.563.000	1.499.031.000	1.630.023.000	1.724.857.000	2.237.202.200	2.721.397.267
Cuối tháng có												

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán tổng hợp

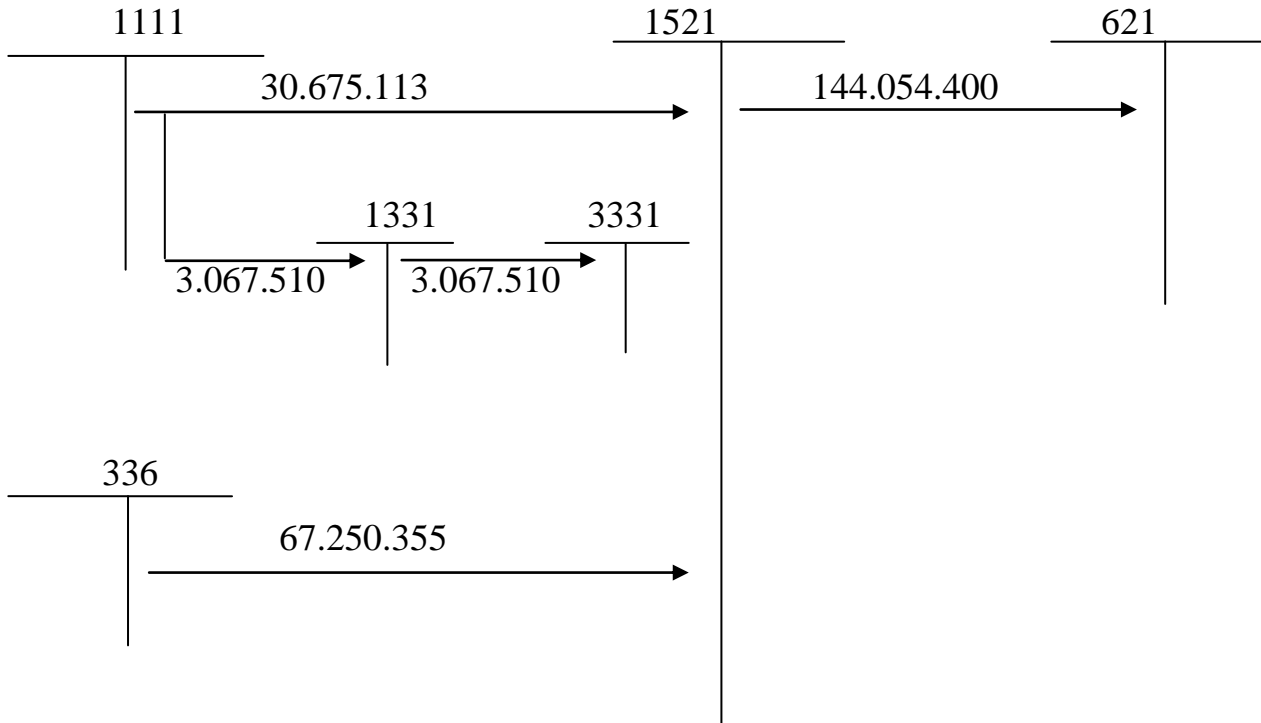
Kế toán trưởng

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 2.2.1.4.3 Kế toán tổng hợp nhập và xuất nguyên vật liệu

Mô hình hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu được thể hiện bằng sơ đồ chữ T như sau.

**Ví dụ** : Tháng 12/2010 nhập và xuất thuốc nổ phục vụ các phương án



### 2.2.1.5 Công tác kiểm kê kho tại Xí nghiệp

Công tác kiểm kê hàng tồn kho được Xí nghiệp tiến hành định kỳ vào cuối năm. Mục đích của việc kiểm kê là xác định số lượng, giá trị và chất lượng nguyên vật liệu còn trong kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách và thực tế qua đó tìm ra nguyên nhân để có biện pháp giải quyết, tránh lặp lại tình trạng trên.

Trước khi kiểm kê diễn ra, thì mọi công tác sổ sách liên quan đến nguyên vật liệu đều phải được hoàn thành để công tác kiểm kê có thể diễn ra thuận lợi, không bị gián đoạn.

Thông qua cân đo, đong đếm... kết quả kiểm kê sẽ được Hội đồng kiểm kê ghi vào Biên bản kiểm kê vật tư. Căn cứ vào Biên bản kiểm kê thì giám đốc cùng Hội đồng sẽ đưa ra những nhận xét, biện pháp xử lý thích hợp.

**Ví dụ**: Theo kết quả kiểm kê ngày 02 tháng 01 năm 2011. Hội đồng kiểm kê tiến hành lập Biên bản kiểm kê như sau:



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TẬP ĐOÀN THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

Công ty: Xí nghiệp địa chất Đông Triều

### BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ. HÀNG HÓA TỒN KHO

(TÍNH ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2010)

Thời điểm kiểm kê: 7h 30' ngày 02 tháng 01 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên nhãn hiệu. quy cách sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng kiểm kê	Theo sổ sách		Theo kiểm kê thực tế		Chênh lệch
				Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4	5
1	Ông chống 127	Cái	600	325.000	195.000.000	325.000	195.000.000	
2	Xi lanh bơm 350/50	Cái	06	650.000	3.900.000	650.000	3.900.000	
3	Nhíp pen 108	Cái	34	135.000	4.590.000	135.000	4.590.000	
....								
516	Ông kèm 48x6000	Ông	10	360.000	3.600.000	360.000	3.600.000	
517	Vòng bi 310	Cái	02	300.000	600.000	300.000	600.000	
	Tổng cộng				2.721.397.267		2.721.397.267	

11h ngày 02 tháng 01 năm 2011

Thành viên hội đồng

Trưởng phòng KTSX: Phan Anh Vũ

Trưởng phòng vật tư: Hoàng Thị Thanh

Trưởng phòng kế hoạch: Văn Bá Thanh

Kế toán trưởng

Giám đốc

**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ  
TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI XÍ NGHIỆP ĐỊA CHẤT  
ĐÔNG TRIỀU**

**3.1 ĐÁNH GIÁ VỀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT. TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ  
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI XÍ  
NGHIỆP ĐỊA CHẤT ĐÔNG TRIỀU**

**3.1.1 Ưu điểm**

**3.1.1.1 Về tổ chức sản xuất**

Ngành nghề kinh doanh chính của Xí nghiệp là nghiên cứu xác định cấu trúc mỏ, dịch vụ địa chất, trắc địa và sản phẩm làm ra là các thông tin thể hiện trên bản đồ, báo cáo... vì vậy Xí nghiệp luôn sử dụng công nghệ tiên tiến nhất để đáp ứng được các yêu cầu của công tác nghiên cứu. Tuy nhiên không chỉ dừng lại ở đó, Xí nghiệp liên tục nâng cấp, đầu tư các công nghệ hiện đại nhất để nâng cao chất lượng, độ chính xác của các thông tin làm ra.

Bên cạnh công tác tổ chức sản xuất thì công tác an toàn lao động cũng được Xí nghiệp đặc biệt coi trọng. Xí nghiệp đã lập một phòng ban riêng để thực hiện công tác an toàn cho công nhân, thường xuyên mua sắm đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, mở các lớp bồi dưỡng, tuyên truyền an toàn lao động cho toàn thể nhân viên, đề ra các biện pháp an toàn bắt buộc. Nhờ thực hiện tốt công tác an toàn lao động mà trong nhiều năm qua Xí nghiệp chưa xảy ra vụ tai nạn lao động nào.

**3.1.1.2 Về tổ chức bộ máy quản lý và bộ máy kế toán**

Bộ máy quản lý được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng hết sức hợp lý, phân công rõ ràng nhiệm vụ, chức năng của từng phòng ban, đảm bảo được sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, phát huy được tính chủ động, sáng tạo của các cá nhân, tập thể đồng thời phù hợp với yêu cầu và đặc điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp.

Tuy chỉ là một Xí nghiệp nhỏ nhưng do đặc thù công việc nên số lượng

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

ng nghiệp vụ phát sinh là tương đối nhiều. để đáp ứng được công tác kế toán thì phòng kế toán có 07 nhân viên đều có trình độ nghiệp vụ. nhiệt tình với công việc. được phân công công việc phù hợp với năng lực chuyên môn. Kế toán trưởng luôn đôn đốc nhắc nhở nhân viên công tác kế toán luôn đạt kết quả cao.

### *3.1.1.3 Về tổ chức sổ sách chứng từ*

Xí nghiệp áp dụng hình thức kế toán nhật kí chứng từ phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh. Phương pháp này tạo nên sự chặt chẽ giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết. Việc luân chuyển sổ sách chứng từ giữa phòng kế toán- thủ kho- phòng thống kê cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý và sử dụng nguyên vật liệu.

### *3.1.1.4 Về công tác kế toán nguyên vật liệu*

Về hạch toán nguyên vật liệu: hạch toán nguyên vật liệu tại Xí nghiệp nhìn chung được tổ chức chặt chẽ. hiệu quả. phù hợp với yêu cầu quản lý. sản xuất của Xí nghiệp:

- Khâu thu mua nguyên vật liệu đảm bảo về mặt số lượng. chất lượng. chủng loại. mẫu mã. quy cách. Nguyên liệu thu mua được dựa trên tình hình sản xuất thực tế. nhu cầu của các phương án nên được sử dụng có hiệu quả tránh xảy ra tình trạng lãng phí hay thiếu nguyên liệu. Nguyên vật liệu mua nhập kho được phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán. Công tác thu mua nguyên vật liệu do phòng vật tư chịu trách nhiệm.

- Khâu bảo quản: hệ thống kho được bố trí hợp lý và được đầu tư nâng cấp hệ thống bảo quản. bảo vệ... nguyên vật liệu được sắp xếp. phân loại

- thuận tiện cho việc sử dụng. kiểm tra. Thủ kho là những người có chuyên môn. trách nhiệm cao.

- Khâu sử dụng: Việc sử dụng nguyên vật liệu ở các bộ phận. phòng ban đều được căn cứ vào kế hoạch sản xuất mà bộ phận được giao như vậy giúp Xí nghiệp quản lý một cách chặt chẽ việc sử dụng nguyên vật liệu tránh được việc thất thoát. lãng phí.

- Quản lý nguyên vật liệu: công tác quản lý nhập. xuất nguyên vật liệu do phòng vật tư thực hiện. Căn cứ vào bản Kế hoạch vật tư theo hạn mức được lập

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

cho từng phương án và Bản kế hoạch sản xuất của Xí nghiệp. phòng vật tư tiến hành nhập. xuất theo từng phương án cụ thể. Việc này tạo thuận lợi cho phòng vật tư theo dõi được tình hình nhập. xuất. tồn để có những kế hoạch cung cấp vật tư kịp thời đồng thời giảm khả năng tồn vật liệu quá nhiều tại các phương án tránh tình trạng làm giảm chất lượng của vật liệu do điều kiện bảo quản không tốt.

- Hạch toán nguyên vật liệu:

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song đảm bảo thống nhất về phạm vi. phương pháp tính toán. số liệu thuận tiện cho sử dụng.

Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên đảm bảo cung cấp thông tin chính xác. kịp thời để có thể xác định số liệu và giá trị nhập. xuất. tồn ở bất kì thời điểm nào. Hầu hết các nghiệp vụ nhập. xuất. tồn đều được kế toán định khoản đầy đủ. chính xác theo chế độ kế toán.

### ***3.1.2 Nhược điểm***

Bên cạnh những ưu điểm thì công tác kế toán nguyên vật liệu tại Xí nghiệp vẫn còn có những nhược điểm sau:

➤ Thứ nhất: Phân loại nguyên vật liệu : việc phân loại nguyên vật liệu ở Xí nghiệp do Công ty phân loại theo tình hình sản xuất nên có phần không hợp lý. tất cả các nguyên vật liệu chính hay nguyên vật liệu phụ dùng cho sản xuất hay phục vụ sản xuất đều được Xí nghiệp đưa vào TK 1521

➤ Thứ hai: Lập danh điểm vật tư: Xí nghiệp chưa xây dựng hệ thống mã hóa danh điểm vật tư nên gây khó khăn cho công tác quản lý. theo dõi cũng như kiểm tra. đối chiếu giữa thủ kho và kế toán.

➤ Thứ ba: Về việc quản lý và sử dụng vật tư: Xí nghiệp chỉ có một kho để nguyên vật liệu nên cũng gây khó khăn cho công tác quản lý nguyên vật liệu

➤ Thứ tư: Về việc luân chuyển chứng từ: việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận. phòng ban diễn ra thường xuyên tuy nhiên giữa các bộ phận . phòng ban này không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất chứng từ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý. làm cho cán bộ công nhân viên

nơi lỏng việc quản lý chứng từ.

➤ Thứ năm: Về ứng dụng phần mềm kế toán: hiện nay Xí nghiệp đã trang bị hệ thống máy tính nhưng vẫn áp dụng hình thức ghi sổ thủ công tức là máy tính chỉ được sử dụng cho việc tính toán. Bên cạnh đó việc không sử dụng các phần mềm kế toán khiến công việc hạch toán trở lên khó khăn hơn đặc biệt vào cuối tháng. cuối quý khi phải lập các báo cáo.

➤ Thứ sáu: Về đào tạo cán bộ: nhân viên trong phòng kế toán còn có yếu kém trong việc tiếp nhận các ứng dụng mới nên gây ra những hạn chế trong công tác nghiệp vụ và chưa phù hợp với sự phát triển của Xí nghiệp.

### **3.1.3. Nguyên nhân của nhược điểm**

#### **❖ Về khách quan**

- Do hoạt động sản xuất của Xí nghiệp đều diễn ra ngoài trời nên chịu ảnh hưởng lớn của thời tiết nên gây khó khăn trong công tác sản xuất cũng như quản lý nguyên vật liệu.

- Xí nghiệp địa chất Đông Triều là đơn vị trực thuộc Công ty địa chất mỏ Vinacomin nên phải tuân thủ theo các nguyên tắc trong công tác quản lý. sản xuất nói chung và hạch toán kế toán nói riêng.

#### **❖ Về chủ quan**

- Do cán bộ công nhân viên đã quen với cách làm việc lâu nay nên khó có thể thay đổi cung cách. suy nghĩ trong làm việc

- Điều kiện học tập. nâng cao trình độ kế toán của nhân viên còn bị hạn chế do chưa có kinh phí. chỉ tiêu đi học hạn chế...

- Do điều kiện kinh tế hạn hẹp nên Xí nghiệp vẫn chưa đầu tư các phần mềm kế toán vào làm việc.

- Xí nghiệp là đơn vị trực thuộc nên vẫn còn ỷ lại vào cấp trên. thiếu năng động trong việc đổi mới.

## **3.2 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI XÍ NGHIỆP ĐỊA CHẤT ĐÔNG TRIỀU**

### **3.2.1 Mục đích. yêu cầu. nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu**

### *3.2.1.1 Mục đích*

Trong nền kinh tế có nhiều biến động như hiện nay thì việc không ngừng hoàn thiện, khắc phục những mặt hạn chế, phát huy những điểm mạnh là mục đích hàng đầu của Xí nghiệp nhằm giữ vững tốc độ phát triển của mình.

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu phải đạt được những mục đích sau:

- Khắc phục được những hạn chế trong công tác kế toán nguyên vật liệu
- Đáp ứng được những nhu cầu trong sản xuất, quản lý chung của Xí nghiệp
- Nâng cao tốc độ phát triển của Xí nghiệp phù hợp với tốc độ phát triển của nền kinh tế.

### *3.2.1.2 Yêu cầu*

Qua thực trạng công tác kế toán của Xí nghiệp thì cần phải hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu.

Hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu cần phải đảm bảo những yêu cầu sau:

- Hoàn thiện dần dần để không gây ảnh hưởng đến công tác quản lý, sản xuất của doanh nghiệp
- Đảm bảo luôn cung cấp thông tin về tình hình biến động của nguyên vật liệu một cách thường xuyên và liên tục
- Các kiến nghị đưa ra phải dựa trên cơ sở tôn trọng các cơ chế tài chính, chế độ kế toán hiện hành, phải thiết thực, hợp lý, không quá tốn kém, phù hợp với doanh nghiệp.

### *3.2.1.3 Nguyên tắc*

Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung mà đặc biệt hạch toán kế toán nguyên vật liệu là một vấn đề phức tạp. Để đáp ứng được các yêu cầu quản lý sản xuất kinh doanh thì việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu phải căn cứ vào các quy định của Bộ tài chính và phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Kiến nghị đưa ra phải tập trung và các khâu còn nhiều thiếu sót
- Thực hiện theo nguyên tắc khả thi : nguyên tắc này đảm bảo cho doanh nghiệp có thể thực hiện được và tuân thủ các quy định, chuẩn mực, chính sách pháp luật của Nhà nước.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Đảm bảo nguyên tắc hiệu quả: chi phí bỏ ra để thực hiện các biện pháp hoàn thiện phải có hiệu quả tốt hơn trước khi bỏ ra chi phí đó

### **3.2.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu**

Như vậy, dựa vào những cơ sở trên em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm khắc phục những hạn chế của Xí nghiệp trong công tác hạch toán nguyên vật liệu:

**Thứ nhất: Hoàn thiện việc phân loại nguyên vật liệu:** tiến hành phân loại lại các nguyên vật liệu theo nội dung kinh tế để dễ dàng hơn trong việc xem xét, kiểm tra, áp dụng các quy định chuẩn mực kế toán. Có thể phân loại như sau:

1521: Nguyên vật liệu chính bao gồm: lưỡi khoan, thuốc nổ...

1522: vật liệu phụ như ống chống, cần khoan, giá đỡ...

1523: Nhiên liệu bao gồm: xăng, dầu...

1524: Bảo hộ lao động

1525: Phế liệu thu hồi

**Thứ hai: Hoàn thiện lập danh điểm vật tư:** do đặc thù công việc nên nguyên vật liệu của Xí nghiệp rất đa dạng và phong phú vì vậy gây ra khó khăn cho việc quản lý, kiểm tra từng loại nguyên vật liệu một cách có hệ thống và kế hoạch. Để giải quyết tình trạng này Xí nghiệp cần xây dựng hệ thống danh điểm vật tư thống nhất. Sổ danh điểm vật tư là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu được theo dõi cho từng loại, từng nhóm, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ giúp công tác quản lý, hạch toán nguyên vật liệu ở Xí nghiệp được thống nhất.

Để lập sổ danh điểm vật tư Xí nghiệp cần quy định cho mỗi loại vật tư một ký hiệu riêng bằng hệ thống các chữ số kết hợp với chữ cái thay thế tên gọi, quy cách cỡ của chúng. Tùy theo từng loại vật tư phục vụ cho yêu cầu sản xuất mà Xí nghiệp lên các danh điểm cho từng loại khác nhau.

Ví dụ: Phân loại nhóm nguyên vật liệu chính như sau:

- Nhóm nguyên vật liệu chính : TK 1521

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ

Ký hiệu		Mã số danh điểm	Danh điểm vật tư	Đơn vị vật tư	Ghi chú
Loại	Nhóm NVL				
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521-T1		Thép	Kg	
		1521-T1.01	Thép phi 10	Kg	
		1521-T1.02	Thép phi 12	Kg	
		1521-T1.03	Thép phi 14	Kg	
			....		
	1521-L2		Lưỡi khoan	Cái	
		1521-L2.CT1	Lưỡi khoan hạt kim CT1. r=46	Cái	
		1521-L2.CA4	Lưỡi khoan hạt kim CA4. r=59	Cái	
		1521-L2.T2	Lưỡi khoan kim cương T2 76	Cái	
			.....		

**Thứ ba: Hoàn thiện việc quản lý và sử dụng vật tư:** để có thể giảm thiểu được chi phí. thì Xí nghiệp phải chú trọng đến công tác quản lý. sử dụng vật tư ở tất cả các khâu. Cụ thể như sau:

- Giảm các chi phí trong công tác thu mua. vận chuyển. bảo quản. sử dụng nguyên vật liệu tới mức thấp nhất tuy nhiên việc cắt giảm các chi phí phải trong giới hạn cho phép.

- Xí nghiệp vận thường mua tại các cửa hàng quen thuộc nên cần tìm kiếm thêm các nhà cung cấp mới để có thể có nhiều lựa chọn hơn. sẽ có được mức giá hợp lý hơn nhằm giảm các chi phí thông qua các khoản giảm giá. chiết khấu thương mại và có được vật tư với chất lượng tốt nhất như vậy cũng tránh



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

được tình trạng phải phụ thuộc vào nhà cung cấp.

- Nên có chế độ khen thưởng đối với các cá nhân. tập thể sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu. có những sáng kiến trong việc sử dụng tiết kiệm vật tư. đồng thời cũng kỉ luật các cá nhân. tập thể gây lãng phí vật tư. Bên cạnh đó nên tổ chức các cuộc thi để tạo sự thi đua giữa các cá nhân. tập thể trong việc tiết kiệm vật tư. giảm chi phí.

- Thường xuyên đôn đốc. nhắc nhở công tác thu hồi vật tư. thiết bị để tái chế phục hồi đưa vào sản xuất nhằm giảm chi phí.

**Thứ tư: Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:** Xí nghiệp nên lập sổ giao nhận chứng từ giữa các phòng ban. bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì bên giao và nhận chứng từ đều phải kí vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người đúng bộ phận. Việc này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của Xí nghiệp hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho các cán bộ đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

### **PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ NHẬP KHO HOẶC XUẤT KHO**

- Từ ngày .....đến ngày.....

Nhóm vật liệu(dụng cụ. sản phẩm. hàng hóa)	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số tiền
1	2	3	4

- Ngày.....tháng.....năm.....

Người nhận(ký)

Người giao(ký)

**Thứ năm: Ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán** : việc áp dụng công nghệ thông tin vào hạch toán kế toán là hoàn toàn cần thiết. Xí nghiệp nên sử dụng các phần mềm kế toán bởi các lợi ích mà phần mềm kế toán

đem lại là:

- Thu thập. xử lý thông tin một cách nhanh chóng.
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kiểm soát các thông tin tài chính
- Chọn lọc thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng
- Việc xử lý. trình bày. cung cấp các chỉ tiêu kế toán về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là liên tục. có căn cứ. đáp ứng yêu cầu sử dụng của các đối tượng khác nhau
- Sử dụng phần mềm kế toán giúp giảm bớt khối lượng công việc . có tính chính xác cao

Vì những lý do trên mà Xí nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán cho phù hợp và tiến hành đào tạo. hướng dẫn sử dụng cho các nhân viên. Một số phần mềm kế toán chuyên nghiệp mà Xí nghiệp nên sử dụng đó là:

- Phần mềm kế toán MISA
- Phần mềm kế toán EFFECT
- Phần mềm BRAVO
- Phần mềm SAS INNOVA
- Phần mềm ACMAN....

**Thứ sáu: Đào tạo nâng cao trình độ cho nhân viên** : phải tiến hành tổ chức. đào tạo nâng cao trình độ. năng lực cũng như sử dụng phần mềm tin học cho nhân viên thông qua các lớp tập huấn. bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ. Để giảm bớt chi phí thì Xí nghiệp nên tổ chức cùng với các Xí nghiệp khác để đạt hiệu quả cao hơn

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### KẾT LUẬN

Đối với các doanh nghiệp chuyên về các dịch vụ địa chất trắc địa như Xí nghiệp địa chất Đông Triều thì nguyên vật liệu là yếu tố quan trọng hàng đầu của Xí nghiệp. nó tác động trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh và lợi nhuận mà Xí nghiệp đạt được. Thấy được tầm quan trọng của nguyên vật liệu nên sau một thời gian thực tập tại Xí nghiệp. em đã lựa chọn đề tài khóa luận về kế toán nguyên vật liệu tại Xí nghiệp.

Khóa luận “ Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Xí nghiệp địa chất Đông Triều ” đã nêu được những vấn đề cơ bản sau:

- Về lý luận khóa luận đã đề cập đến những vấn đề sau: đã nêu và hệ thống được những vấn đề cơ bản về nguyên vật liệu và công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu ở các doanh nghiệp

- Về thực tế: đã phản ánh được thực trạng công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu cũng như việc quản lý sử dụng nguyên vật liệu tại Xí nghiệp địa chất Đông Triều và đã chứng minh bằng số liệu năm 2010 cho các lập luận đã nêu ra.

- Đối chiếu giữa lý luận và thực tế tại Xí nghiệp địa chất Đông Triều. khóa luận đưa ra một số nguyên nhân. phương hướng hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Xí nghiệp địa chất Đông Triều nói riêng và các doanh nghiệp địa chất nói chung

Do thời gian thực tập không nhiều và kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận của em còn nhiều thiếu sót vì vậy em mong nhận được sự giúp đỡ và đóng góp ý kiến của ban giám đốc. phòng kế toán .phòng ban liên quan của Xí nghiệp. các thầy cô và các bạn để em có thể hoàn thiện được bài khóa luận tốt hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo. nhân viên trong phòng kế toán và các phòng ban khác của Xí nghiệp địa chất Đông Triều. thầy cô giáo bộ môn và thầy giáo hướng dẫn đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng. ngày....tháng....năm 2010

Sinh viên

Trịnh Thị Trang

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) - Hệ thống tài khoản kế toán
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán. sơ đồ kế toán
3. Luận văn tốt nghiệp khóa trước- Thư viện trường Đại học Dân lập Hải Phòng
4. Tài liệu. sổ sách kế toán của Xí nghiệp địa chất Đông Triều
5. Các chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành
6. Các thông tư hướng dẫn thi hành các chuẩn mực kế toán Việt Nam

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
1.Sự cần thiết của đề tài .....	7
2.Mục đích nghiên cứu.....	8
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	8
4. Phương pháp nghiên cứu.....	8
5. Nội dung khóa luận .....	9
<b>CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT KINH DOANH</b> .....	10
1.1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP .....	10
1.1.1 Khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò, tầm quan trọng của nguyên vật liệu và yêu cầu quản lý nguyên vật liệu.....	10
1.1.1.1 Nguyên vật liệu và đặc điểm của nguyên vật liệu.....	3
1.1.1.2 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu.....	4
1.1.1.2.1 Sự cần thiết của quản lý nguyên vật liệu .....	11
1.1.1.2.2 Mục tiêu của việc quản lý nguyên vật liệu.....	11
1.1.1.2.3 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu .....	11
1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu .....	12
1.2 KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU .....	13
1.2.1 Phân loại nguyên vật liệu .....	13
1.2.2 Đánh giá nguyên vật liệu.....	14
1.2.3 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	15
1.2.3.1 Kế toán nhập kho nguyên vật liệu.....	8
1.2.3.1.1 Đánh giá nguyên vật liệu.....	15
1.2.3.1.2 Sổ sách sử dụng.....	17
1.2.3.2 Kế toán xuất kho nguyên vật liệu.....	10
1.2.3.2.1 Xác định giá xuất kho .....	18
1.2.3.2.2 Sổ sách sử dụng.....	13
1.2.3.3 Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	13
1.2.4 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu .....	24

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

1.2.4.1 Các phương pháp hạch toán hàng tồn kho.....	18
1.2.4.1.1 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường.	18
1.2.4.1.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kì	30
1.2.5 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho .....	35
1.2.5.1 Khái niệm dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	28
1.2.5.2 Tài khoản sử dụng.....	28
1.2.5.3 Phương pháp tính mức dự phòng phải lập và phương pháp hạch toán..	28
1.2.5.3.1 Phương pháp tính mức dự phòng.....	28
1.2.5.3.2 Phương pháp hạch toán.....	29
<b>CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI XÍ NGHIỆP ĐỊA CHẤT ĐÔNG TRIỀU .....</b>	<b>37</b>
<b>2.1 TỔNG QUAN VỀ XÍ NGHIỆP ĐỊA CHẤT ĐÔNG TRIỀU .....</b>	<b>37</b>
2.1.1 Những nét chung .....	37
2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển .....	37
2.1.2.1 Quá trình hình thành.....	30
2.1.2.2 Quá trình phát triển.....	32
2.1.3 Chức năng, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh .....	40
2.1.4 Đặc điểm sản phẩm và công nghệ sản xuất .....	41
2.1.5 Tổ chức bộ máy quản lý.....	42
2.1.6 Tổ chức bộ máy kế toán và hình thức kế toán .....	45
2.1.6.1 Công tác kế toán.....	38
2.1.6.2 Chính sách kế toán áp dụng.....	40
2.1.6.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng.....	40
<b>2.2 HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI XÍ NGHIỆP ĐỊA CHẤT ĐÔNG TRIỀU.....</b>	<b>48</b>
2.2.1 Các loại nguyên vật liệu thường dùng và cách phân loại tại Xí nghiệp ....	48
2.2.1.1 Các loại nguyên vật liệu.....	41
2.2.1.2 Phân loại nguyên vật liệu tại Xí nghiệp.....	42
2.2.2 Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu.....	49
2.2.2.1 Trình tự nhập kho và xác định giá nhập kho nguyên vật liệu.....	42
2.2.2.1.1 Trình tự nhập kho nguyên vật liệu.....	42

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

2.2.2.1.2.Xác định giá nhập kho.....	53
2.2.2.2. Trình tự xuất kho và xác định giá xuất kho nguyên vật liệu.....	61
2.2.2.2.1 Xác định giá xuất kho.....	54
2.2.2.2.2 Trình tự xuất kho nguyên vật liệu.....	54
2.2.2.3 Kế toán chi tiết nhập và xuất kho nguyên vật liệu.....	64
2.2.2.4 Kế toán tổng hợp tại Xí nghiệp.....	61
2.2.2.4.1 Kế toán tổng hợp mua nguyên vật liệu.....	61
2.2.2.4.2 Kế toán tổng hợp xuất kho nguyên vật liệu.....	73
<b>CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI XÍ NGHIỆP ĐỊA CHẤT ĐÔNG TRIỆU</b> .....	90
3.1 ĐÁNH GIÁ VỀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT. TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI XÍ NGHIỆP ĐỊA CHẤT ĐÔNG TRIỆU.....	90
3.1.1 Ưu điểm.....	90
3.1.1.1 Về tổ chức sản xuất.....	83
3.1.1.2 Về tổ chức bộ máy quản lý và bộ máy kế toán.....	83
3.1.1.3 Về tổ chức sổ sách chứng từ.....	84
3.1.1.4 Về công tác kế toán nguyên vật liệu.....	84
3.1.2 Nhược điểm.....	92
3.1.3. Nguyên nhân của nhược điểm.....	93
3.2 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI XÍ NGHIỆP ĐỊA CHẤT ĐÔNG TRIỆU .....	93
3.2.1 Mục đích, yêu cầu, nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu.....	93
3.2.1.1 Mục đích.....	87
3.2.1.2 Yêu cầu.....	87
3.2.1.3 Nguyên tắc.....	87
3.2.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu.....	95
<b>KẾT LUẬN</b> .....	99
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	100